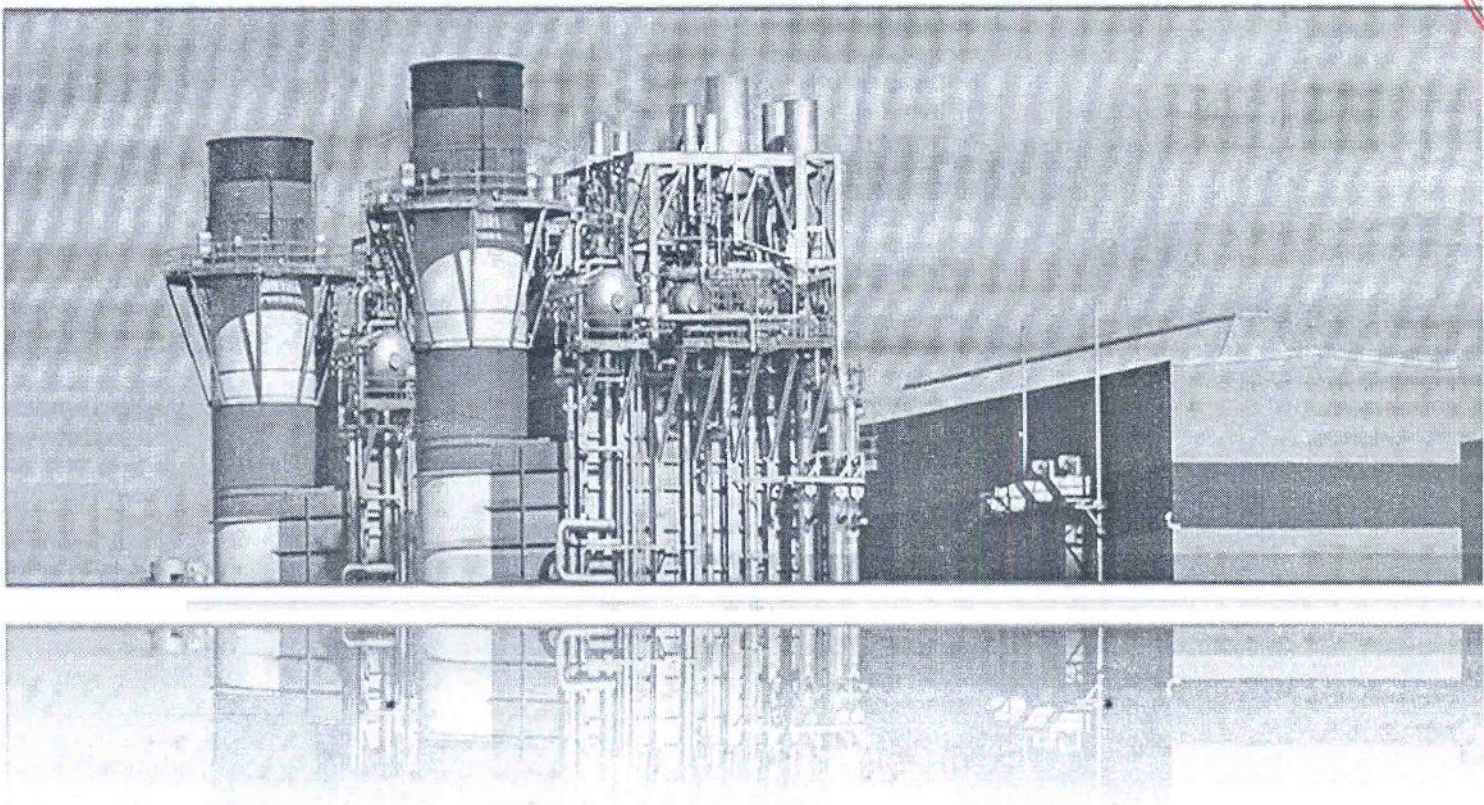


2014

TẬP ĐOÀN HÓA CHẤT VIỆT NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2014

Tổng hợp kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2014, kế hoạch hoạt động trong năm 2015 và các định hướng dài hạn của doanh nghiệp



Mục Lục

I. Thông tin chung	2
1. Thông tin khái quát.....	2
2. Quá trình hình thành và phát triển.....	2
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh.....	3
4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý.....	4
4.1 Cơ cấu tổ chức bộ máy.....	4
4.2 Cơ cấu bộ máy quản lý.....	5
4.3 Các Công ty con, Công ty liên kết:.....	9
5. Định hướng phát triển.....	10
6. Các rủi ro.....	11
6.1. Rủi ro về kinh tế.....	11
6.2. Rủi ro về luật pháp.....	12
6.3. Rủi ro đặc thù.....	12
6.4. Rủi ro tài chính.....	13
6.5. Rủi ro khác.....	13
II. Tình hình hoạt động trong năm	14
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.....	14
2. Tổ chức và nhân sự.....	15
3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án.....	25
4. Tình hình tài chính.....	25
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.....	27
III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc	28
1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.....	28
2. Tình hình tài chính.....	28
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.....	30
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai.....	30
IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty	31
1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty.....	31
2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty.....	32
3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị.....	33
V. Quản trị Công ty	33
1. Hội đồng quản trị.....	33
2. Ban Kiểm soát.....	37
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát.....	44
VI. Báo cáo tài chính	46
1. Ý kiến kiểm toán.....	46
2. Báo cáo tài chính được kiểm toán.....	47

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần Thiết kế công nghiệp Hóa chất
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100103520 đăng ký lần đầu ngày 24/02/2006 và thay đổi lần thứ 12 ngày 14/11/2014 do Sở Kế hoạch Đầu tư TP Hà Nội cấp
- Vốn điều lệ: 29.885.180.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 29.885.180.000 đồng
- Địa chỉ: 21A Cát Linh, P. Cát Linh, Q.Đống Đa, TP. Hà Nội
- Số điện thoại: (84-4) 3.845.5777
- Số fax: (84-4) 3.823.2325
- Website: www.ceco.com.vn
- Mã cổ phiếu: CEC

2. Quá trình hình thành và phát triển

Công ty cổ phần Thiết kế công nghiệp hóa chất ngày nay tiền thân là Viện Thiết kế công nghiệp hóa chất, được thành lập từ năm 1967, tách ra từ Viện Thiết kế tổng hợp thuộc Bộ Công nghiệp Nặng.

Năm 1973 Tổng cục Hóa chất quyết định đổi tên Viện Thiết kế công nghiệp hóa chất thành Công ty Thiết kế công nghiệp hóa chất.

Ngày 22 tháng 5 năm 1978 Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 112/CP thành lập Viện Thiết kế công nghiệp hóa chất với các nhiệm vụ chính như sau:

- Tiến hành nghiên cứu thí nghiệm các lĩnh vực khoa học kỹ thuật về quá trình công nghệ, thiết bị và máy hóa nhằm sớm đưa các công trình nghiên cứu ra phục vụ sản xuất, đổi mới kỹ thuật trong các nhà máy hóa chất đã xây dựng, từng bước trang bị kỹ thuật mới cho toàn bộ ngành công nghiệp hóa chất ở nước ta.

- Thiết kế các nhà máy, xí nghiệp sản xuất hóa chất trực tiếp phục vụ việc xây dựng và phát triển ngành công nghiệp hóa chất toàn quốc .

- Nghiên cứu giúp Tổng cục Hóa chất trong việc xét duyệt, tổ chức xây dựng các công trình và lựa chọn thiết bị hóa chất ... do nước ngoài đảm nhiệm.

Viện Thiết kế công nghiệp hóa chất là đơn vị hoạt động khoa học thực hiện hạch toán kinh tế đầu tiên (từ năm 1977) của ngành hóa chất.

Năm 1993 để phù hợp với nền kinh tế thị trường, mở rộng thêm ngành nghề, Viện đã được Chính phủ đồng ý cho chuyển thành doanh nghiệp nhà nước với tên gọi Công ty Thiết kế công nghiệp hóa chất (Quyết định số 370/QĐ-TCNSĐT ngày 17/6/1993) do Bộ Trưởng Bộ công nghiệp Nặng ký).

Năm 2005 thực hiện chủ trương của Đảng và nhà nước về đổi mới doanh nghiệp nhà nước, Công ty đã lập phương án và được Bộ Công nghiệp phê duyệt, chuyển thành Công ty cổ phần Thiết kế công nghiệp hóa chất (Theo quyết định số 3493/QĐ-BCN ngày 24/10/2005) hoạt động theo Luật Doanh nghiệp.

Công ty cổ phần Thiết kế công nghiệp hóa chất hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần từ ngày 01 tháng 4 năm 2006 đến nay.

Ngày 16/05/2011, Công ty đã được UBCKNN chấp thuận việc đăng ký Công ty đại chúng với mức vốn điều lệ là 17.579.520 đồng.

Ngày 08/02/2013 Công ty hoàn thành đợt tăng vốn điều lệ lên 29.885.180.000 đồng.

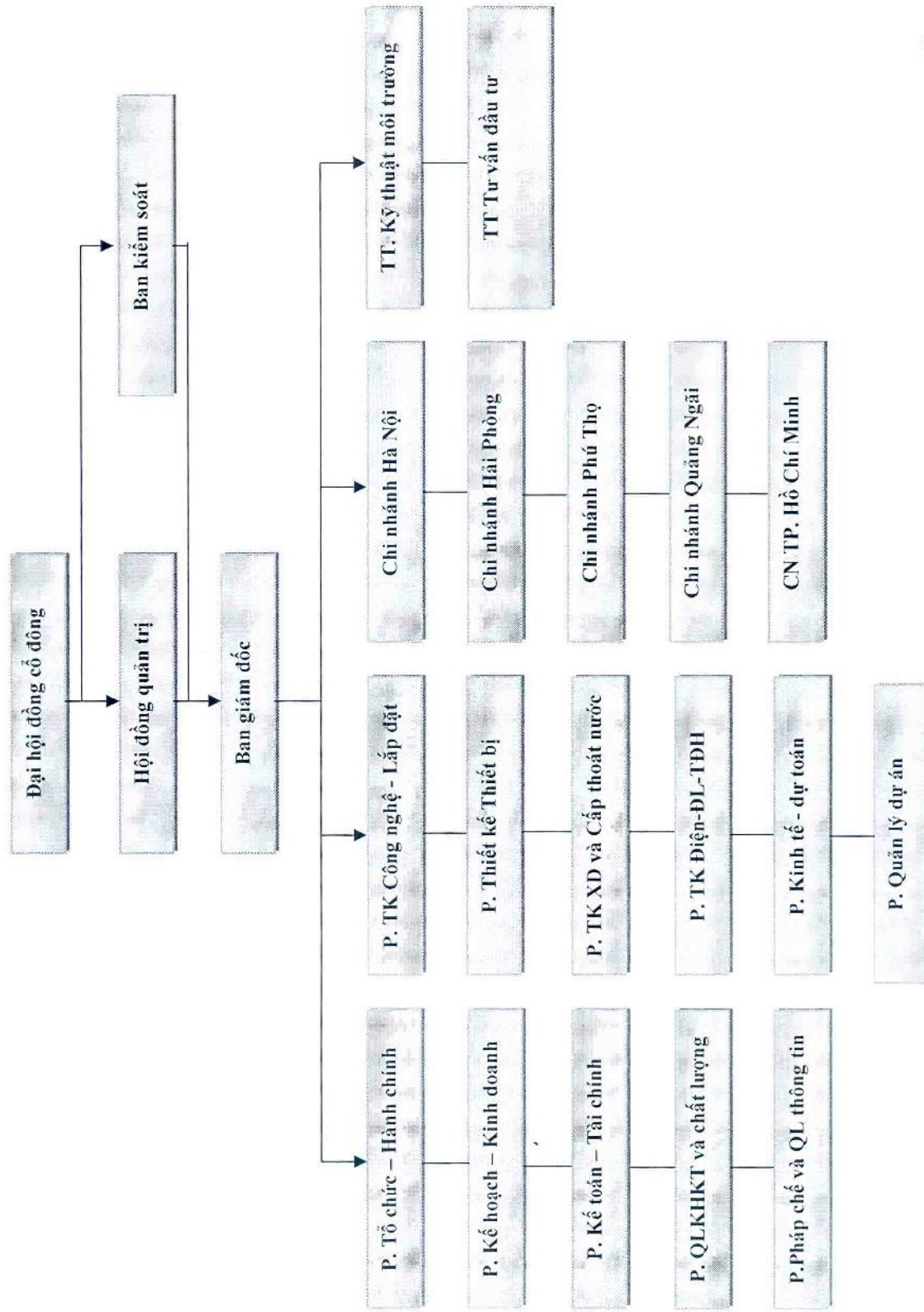
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- Ngành nghề kinh doanh chính: Tư vấn lập dự án; khảo sát thiết kế các công trình ngành công nghiệp hóa chất gồm tư vấn lập dự án; khảo sát thiết kế các công trình ngành công nghiệp hóa chất, công trình ngành công nghiệp khác liên quan; tổng thầu EPC xây dựng các công trình ngành công nghiệp hóa chất; thi công đại tu, sửa chữa, gia cố, sơn bọc lót chống ăn mòn kết cấu..; quản lý dự án ĐTXD công trình: thực hiện các đề tài nghiên cứu; lập báo cáo đánh giá tác động môi trường....

- Địa bàn kinh doanh: Địa bàn kinh doanh của Công ty trải khắp đất nước, trong đó tập trung chủ yếu vào các tỉnh như : Lào cai, Phú Thọ, Bắc giang, Hải Phòng, Quảng ninh, Hải dương, Quảng Ngãi, Hà Nội, Đà Nẵng, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

4.1 Cơ cấu tổ chức bộ máy



4.2 Cơ cấu bộ máy quản lý

❖ Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty

Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp hóa chất được tổ chức và hoạt động tuân thủ theo:

- Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/06/2006, luật số 62/2010/QH12 ngày 24/11/2010 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán
- Điều lệ Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp hóa chất được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 20/4/2013;
- Thông tư 121/2012/TT-BTC của Bộ Tài Chính ngày 26/7/2012 quy định về Quản trị Công ty áp dụng cho các Công ty đại chúng.

Đại hội đồng cổ đông

ĐHĐCD gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết và là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, có quyền quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn được điều lệ Công ty và pháp luật liên quan quy định: thông qua định hướng phát triển Công ty; tỷ lệ trả cổ tức hàng năm; thông qua báo cáo tài chính hàng năm; bầu và bãi miễn HĐQT, BKS; bổ sung và sửa đổi điều lệ; quyết định loại và số lượng cổ phần phát hành; tổ chức lại và giải thể Công ty.

Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị của Công ty có 05 thành viên, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định các vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền Đại hội đồng Cổ đông. Cơ cấu HĐQT hiện nay của Công ty như sau:

Ông Đỗ Hiên Ngang	Chủ tịch HĐQT
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Thành viên HĐQT
Ông Đinh Đức Bộ	Thành viên HĐQT
Ông Phan Hoài Thanh	Thành viên HĐQT (từ nhiệm ngày 19/04/2014)
Ông Nguyễn Công Thắng	Thành viên HĐQT
Bà Nguyễn Hồng Hạnh	Thành viên HĐQT (bầu ngày 19/04/2014)

Ban kiểm soát

BKS do ĐHĐCD bầu ra gồm 03 thành viên, thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động quản trị và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. BKS chịu trách nhiệm trước ĐHĐCD và

Pháp luật về những công việc thực hiện theo quyền và nghĩa vụ. Cơ cấu BKS hiện nay của Công ty như sau:

Ông Nguyễn Văn Bang	Trưởng ban kiểm soát
Bà Nguyễn Thị Kim Liên	Thành viên ban kiểm soát
Bà Nguyễn Thị Bích	Thành viên ban kiểm soát

Ban giám đốc

Giám đốc Công ty do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Các Phó giám đốc có trách nhiệm hỗ trợ Giám đốc điều hành các mảng hoạt động của Công ty theo chức năng và nhiệm vụ của từng bộ phận, báo cáo trực tiếp với Giám đốc.

Ban Giám đốc bao gồm các thành viên sau:

Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Giám đốc
Ông Văn Đức Thắng	Phó giám đốc
Ông Lê Văn Lượng	Phó giám đốc <i>(nghỉ chế độ từ ngày 01/01/2015)</i>
Ông Trần Đăng Thái	Phó giám đốc <i>(Bổ nhiệm ngày 01/11/2014)</i>
Ông Nguyễn Công Thắng	Phó giám đốc <i>(Bổ nhiệm ngày 01/01/2015)</i>

Các phòng ban chức năng

Phòng Tổ chức – Hành Chính

- Nghiên cứu, xác lập cơ cấu tổ chức, bộ máy, chức năng nhiệm vụ, quyền hạn của Công ty và các đơn vị trong Công ty. Xây dựng kế hoạch, định biên lao động hàng năm và từng thời kỳ theo phương hướng, kế hoạch sản xuất, kinh doanh của Công ty;
- Quản lý công tác tổ chức - cán bộ theo quy định phân cấp quản lý. Nghiên cứu, xây dựng Tiêu chuẩn viên chức chuyên môn, nghiệp vụ của Công ty theo quy định của Nhà nước và Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty phù hợp với từng giai đoạn phát triển Công ty trình Giám đốc duyệt Ban hành. Tham gia soạn thảo Nội quy lao động, Quy chế trả lương, Quy định, Văn bản, Quyết định về công tác tổ chức - cán bộ, nhân sự và liên quan trình Giám đốc duyệt ban hành hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền xét duyệt, ban hành;

- Lập kế hoạch và tổ chức thực hiện công tác tuyển dụng, quy hoạch cán bộ, đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ trong Công ty. Chuẩn bị và đề xuất đề cấp có thẩm quyền đề bạt, bổ nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty. Lựa chọn đề cử cán bộ đi đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ tại Công ty hoặc khi cơ quan ngoài tổ chức (kể cả đi tham quan, thực tập, nghiên cứu trong, ngoài nước) trình Giám đốc duyệt;
- Quản lý, sử dụng con dấu của Công ty theo đúng Quy định của Nhà nước và của Công ty. Xử lý Công văn "đi", "đến" trước khi trình Giám đốc Công ty giải quyết, chuyển và truyền đạt Công văn, Chỉ thị đến Đơn vị hoặc người thi hành. Thực hiện chế độ bảo mật tài liệu và công tác văn thư trong cơ quan.

Phòng Kế toán – Tài chính

- Tổ chức bộ máy kế toán để thực hiện toàn bộ công việc tài chính, kế toán thống kê ở Công ty;
- Thực hiện các công tác liên quan đến các nguồn lực tài chính cho các hoạt động của Công ty. Lập kế hoạch thu, chi tài chính và các báo cáo về hoạt động tài chính của Công ty;
- Đảm bảo thực hiện đúng đắn, đầy đủ chế độ thống kê, kế toán tài chính theo quy định của nhà nước đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh và các hoạt động khác của Công ty;
- Hướng dẫn nghiệp vụ và kiểm soát việc thực hiện các quy định về kế toán, thống kê, hạch toán nội bộ của các đơn vị trực thuộc. Chỉ đạo các đơn vị trong Công ty thực hiện đúng các quy định của nhà nước và Công ty về chế độ thống kê, kế toán, tài chính;
- Đảm bảo thực hiện thu, chi tài chính đúng chế độ hiện hành của nhà nước và các quy định nội bộ của Công ty. Đảm bảo trích nộp đầy đủ, kịp thời, đúng chế độ quy định về thuế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và các nghĩa vụ khác đối với nhà nước;
- Thực hiện kiểm toán nội bộ, phân tích kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh và tình hình hoạt động tài chính của Công ty, đề xuất các biện pháp nhằm tiết kiệm chi phí sản xuất, tăng doanh lợi, bảo toàn và phát triển vốn kinh doanh của Công ty;
- Nghiên cứu, xây dựng các quy chế, các hướng dẫn có liên quan đến quản lý tài chính, kế toán, thống kê và hạch toán nội bộ trong Công ty.

Phòng Kế hoạch – Kinh doanh

- Nghiên cứu, tìm hiểu thị trường, chiến lược phát triển ngành có liên quan để định hướng hoạt động và kế hoạch phát triển sản xuất, kinh doanh trước mắt và lâu dài của Công ty;
- Tìm hiểu, quan hệ với các đối tác và tiếp cận thị trường để kiến tạo việc làm và thương thảo hợp đồng kinh tế giữa Công ty với các đối tác trong và ngoài nước;
- Tổng hợp, cân đối, lập kế hoạch hàng tháng, quý, 6 tháng, năm và kế hoạch dài hạn về sản xuất, kinh doanh và các mặt hoạt động khác của Công ty, trình Giám đốc duyệt và bảo vệ kế hoạch trước cấp trên xét duyệt. Theo dõi, kiểm tra, đôn đốc các đơn vị triển khai thực hiện theo kế hoạch được giao hoặc các công việc đột xuất khi Công ty yêu cầu.
- Phân tích đánh giá hiệu quả thực hiện các hợp đồng.

Phòng Pháp chế và Quản lý thông tin

- Thực hiện công tác pháp chế, tổ chức xây dựng quy chế; Kiểm tra, đánh giá, thanh tra nội bộ;
- Quản lý thông tin nội bộ, phát triển hệ thống tin học;
- Công tác cổ đông và quan hệ công chúng;
- Công tác thư ký lãnh đạo.

Phòng Quản lý khoa học, kỹ thuật và chất lượng

- Giám sát việc thực hiện kế hoạch nghiên cứu khoa học và chất lượng của các bộ phận trong Công ty;
- Tổ chức và chủ trì việc biên soạn, cải tiến, phổ biến các tài liệu quản lý chất lượng.
- Giúp Giám đốc quản lý các hệ thống quản lý và đảm bảo chất lượng do Công ty đăng ký áp dụng. Thực hiện vai trò đảm bảo chất lượng theo yêu cầu của ISO 9000 hiện áp dụng tại Công ty.

Phòng Thiết kế Công nghệ - Lắp đặt

- Thực hiện công tác thiết kế, giám sát thuộc chuyên ngành công nghệ, lắp đặt thiết bị, đường ống và các hoạt động tư vấn xây dựng khác.

Phòng Thiết kế Thiết bị

- Thực hiện công tác thiết kế, giám sát chế tạo thiết bị ngành công nghiệp hóa chất và liên quan; Thực hiện các hoạt động tư vấn xây dựng khác.

Phòng Thiết kế Xây dựng và Cấp thoát nước

- Thực hiện công tác thiết kế, giám sát thuộc chuyên ngành xây dựng, cấp thoát nước, phòng cháy chữa cháy và các hoạt động tư vấn xây dựng khác.

Phòng Thiết kế Điện – Đo lường – Tự động hóa

- Thiết kế cung cấp điện động lực, chiếu sáng cho toàn bộ công trình, cho các nhà sản xuất chính và các công trình phụ trợ hành chính, sinh hoạt;
- Giám sát tác giả, giám sát thi công lắp đặt, tham gia điều chỉnh thiết kế cho phù hợp với thực tế thi công khi cần thiết, nghiệm thu chạy thử các hạng mục thiết kế thuộc trách nhiệm thiết kế của Phòng; Thẩm tra các hạng mục thiết kế điện - đo lường - tự động hóa có liên quan do cơ quan khác lập khi có yêu cầu.

Phòng Kinh tế - Dự toán

- Thực hiện công tác lập dự toán, tổng mức đầu tư, phân tích kinh tế dự án, hiệu quả kinh tế dự án.
- Thẩm tra, thẩm định dự toán, tổng mức đầu tư.

- Thu thập, cung cấp thông tin, tài liệu chuyên môn, nghiệp vụ và các văn bản pháp quy liên quan đến công tác dự toán, định mức, đơn giá, lập cơ sở dữ liệu về giá công trình theo phiếu giao việc, đề tài nội bộ.
- Các công việc khác liên quan đến công tác chuyên môn nghiệp vụ, kinh tế dự án khác.

Phòng Dự án DAP2 (Từ ngày 01/01/2015 thành Phòng quản lý dự án)

- Là đầu mối quản lý dự án; công tác tiến độ, nghiệm thu, thanh quyết toán công trình; quản lý hồ sơ dự án; quản lý chất lượng thi công công trình;
- Tổ chức các cuộc họp, buổi làm việc, công tác của Ban điều hành dự án và các bên liên quan;
- Đàm nhận công việc thiết kế của dự án;
- Cung cấp nhân lực thực hiện mua sắm;
- Cung cấp nhân lực thực hiện quản lý và giám sát thi công;
- Các công việc khác do Giám đốc Công ty giao.

Trung tâm Tư vấn Đầu tư và quản lý dự án (Từ ngày 01/01/2015 thành Trung tâm Tư vấn đầu tư)

- Lập các nghiên cứu định hướng đầu tư ban đầu.
- Tư vấn chuẩn bị đầu tư, gồm:
 - Lập báo cáo đầu tư xây dựng công trình...
 - Lập các dự án đầu tư xây dựng công trình, tư vấn đấu thầu, tư vấn quản lý dự án
 - Thực hiện các dịch vụ khảo sát, điều tra liên quan đến công tác chuẩn bị đầu tư
- Tư vấn thực hiện đầu tư:
 - Lập hồ sơ mời thầu cho các Chủ đầu tư trong và ngoài nước
 - Tham gia các tổ chuyên gia tư vấn của các Chủ đầu tư, tư vấn giám sát
 - Phân tích, đánh giá hồ sơ dự thầu theo yêu cầu của Chủ đầu tư.

Trung tâm Kỹ thuật môi trường

- Tổ chức thực hiện các dịch vụ kỹ thuật và chuyển giao công nghệ và bảo vệ môi trường trong công trình công nghiệp hóa chất và các ngành công nghiệp khác liên quan.
- Tư vấn, nghiên cứu ứng dụng công nghệ mới và thiết bị tiên tiến vào thiết kế xử lý môi trường trong công trình công nghiệp và dân dụng.

4.3 Các Công ty con, Công ty liên kết:

❖ **Công ty cổ phần Máy và Thiết bị công nghiệp hóa chất Việt Nam (VMEC)**

- Trụ sở chính: Xã Tam An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

- Vốn điều lệ: 17.250.000.000 VND (Mười bảy tỷ, hai trăm năm mươi nghìn đồng)
- Tỷ lệ sở hữu của CECO tại VMEC: 55,33% vốn điều lệ.

Ngành nghề kinh doanh: Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại; Sản xuất, lắp đặt, sửa chữa các loại máy móc thiết bị; Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; công trình công ích, các công trình kỹ thuật dân dụng; Bán buôn kim loại và quặng kim loại (bán buôn sắt thép không hoạt động tại trụ sở); Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan, thiết kế lắp đặt thiết bị công trình, lắp đặt thiết bị công nghệ công trình công nghiệp hóa chất.

❖ **Các đơn vị trực thuộc Công ty cổ phần Thiết kế công nghiệp Hóa chất**

- Chi nhánh Công ty cổ phần Thiết kế công nghiệp Hóa chất tại Tp. Hồ Chí Minh
- Chi nhánh Công ty cổ phần Thiết kế công nghiệp Hóa chất tại Quảng Ngãi
- Chi nhánh Công ty cổ phần Thiết kế công nghiệp Hóa chất tại Phú Thọ
- Chi nhánh Công ty cổ phần Thiết kế công nghiệp Hóa chất tại Hải Phòng
- Chi nhánh Công ty cổ phần Thiết kế công nghiệp Hóa chất tại Hà Nội

5. Định hướng phát triển

❖ **Các mục tiêu chủ yếu của Công ty**

- Lãnh đạo và cán bộ CNV tập trung trí tuệ, đổi mới nhận thức hơn nữa để luôn hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh hằng năm với mức tăng trưởng năm sau luôn cao hơn năm trước, với cơ cấu giá trị sản lượng hợp lý giữa ba nhóm công việc chính là tư vấn thiết kế, dịch vụ thi công xây lắp, mua sắm thiết bị và dịch vụ kỹ thuật môi trường. Công ty đã và đang tiến tới thực hiện các dự án tổng thầu EPC các công trình công nghiệp hóa chất lớn và các công trình công nghiệp khác liên quan. Thực hiện tốt chiến lược phát triển Công ty, phát huy và quảng bá mạnh mẽ thương hiệu CECO cả bề rộng và chiều sâu.
- Giữ vững và phát huy vai trò là doanh nghiệp tư vấn thiết kế hàng đầu trong ngành công nghiệp hóa chất và các ngành công nghiệp khác liên quan.
- Phân đầu đưa đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động, cổ tức cho cổ đông năm sau bằng và cao hơn năm trước.
- Xây dựng và phát triển thương hiệu, đưa CECO đứng trong hàng ngũ 5 đơn vị tư vấn hàng đầu của cả nước về thực hiện công việc tư vấn thiết kế và thi công xây lắp.
- Cung cấp hoàn chỉnh các đề án thiết kế và các dịch vụ tư vấn đầu tư, cung ứng, thi công xây dựng công trình và đánh giá tác động môi trường, thỏa mãn mọi yêu cầu đã thỏa thuận với khách hàng nhằm tạo niềm tin với Công ty.

❖ **Chiến lược phát triển trung và dài hạn**

- Tăng cường công tác tiếp thị, thông tin thị trường, nâng cao năng lực cạnh tranh trong đó đặc biệt coi trọng đến việc xây dựng, quảng bá thương hiệu sản phẩm, thương hiệu doanh nghiệp để tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường qua các đối tác trong và ngoài nước.

- Nâng cao hiệu quả công tác chỉ đạo, quản lý chất lượng, tiến độ của các dự án đặc biệt là tiến độ các hợp đồng EPC.
- Tăng cường hợp tác phát triển với các đối tác trong và ngoài nước, ký các thỏa thuận ghi nhớ hợp tác với các đối tác có các thế mạnh riêng theo từng lĩnh vực để cùng tham gia thực hiện các dự án lớn (Tổng thầu EPC, Thiết kế BVTC, PMC, Tư vấn giám sát, các đề tài nghiên cứu khoa học...) trong và ngoài ngành.

❖ *Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty.*

6. Các rủi ro

6.1. Rủi ro về kinh tế

Công ty hoạt động trong lĩnh vực tư vấn đầu tư, thiết kế thi công xây dựng các công trình cho ngành công nghiệp hóa chất và các ngành công nghiệp khác liên quan. Khi nền kinh tế phát triển đặc biệt là trong quá trình công nghiệp hóa và hiện đại hóa nền kinh tế thì các ngành công nghiệp như cơ khí chế tạo, luyện kim, hóa chất, vật liệu, giao thông vận tải, nông nghiệp... đều tiêu thụ sản phẩm hóa chất, khiến ngành hóa chất phát triển tạo điều kiện kinh doanh của Công ty trong ngành sẽ gặp thuận lợi. Ngược lại khi kinh tế tăng trưởng chậm hoặc suy thoái cũng sẽ ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty thông qua tác động của các ngành công nghiệp trên.

Khủng hoảng tài chính của một số nền kinh tế lớn đã đẩy kinh tế thế giới vào tình trạng suy thoái và nước ta cũng chịu những ảnh hưởng xấu của nền kinh tế thế giới. Tuy nhiên trong điều kiện tình hình khó khăn và cả nước tập trung ưu tiên kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô thì mức tăng trưởng GDP năm 2011 khá là hợp lý. Sang đến năm 2012, tình hình kinh tế trong nước chưa khả quan, Công ty gặp nhiều khó khăn về chi phí đầu vào như chi phí xăng dầu, điện nước, giá nguyên vật liệu... đều tăng cao khiến tình hình kinh doanh cũng bị ảnh hưởng và có phần giảm sút.

Năm 2013, tình hình kinh tế vĩ mô có nhiều tín hiệu tích cực hơn: Tỷ lệ lạm phát năm 2013 được khống chế ở mức 6,04%; lãi suất cho vay đã giảm xuống so với 2012, cùng với đó việc thành lập VAMC hứa hẹn sẽ cải thiện vấn đề nợ xấu cho ngân hàng, thúc đẩy và hỗ trợ nguồn tín dụng đối với doanh nghiệp. Nhưng nhìn chung nền kinh tế vẫn còn chịu nhiều biến động, thách thức khi tăng trưởng vẫn chưa có sự tác động đáng kể, chi tiêu đầu tư công chưa tăng mạnh và việc tiếp cận nguồn vốn đối với doanh nghiệp vẫn còn là thách thức.

Năm 2014 bối cảnh thế giới có nhiều diễn biến phức tạp, kinh tế phục hồi chậm hơn dự báo. Xung đột, mâu thuẫn diễn ra ở nhiều nơi, đặt biệt căng thẳng trên biển đông. Ở trong nước tình hình kinh tế vĩ mô đã dần trên đà hồi phục, tăng trưởng kinh tế đã vượt kế hoạch do Quốc hội đặt ra (kế hoạch đặt ra tăng 5,8%, thực hiện đạt 5,98%) một số ngành đã có bước tăng trưởng, tỷ lệ lạm phát năm 2014 giảm nhiều (dưới 3%), nhưng năng suất và sức cạnh tranh của nền kinh tế vẫn chưa được cải thiện nhiều, lãi suất cho vay của các ngân hàng giảm mạnh so với năm 2013 tạo cơ hội tốt cho các doanh nghiệp tiếp cận nguồn vốn vay ngân hàng với chi phí thấp.

Tuy nhiên việc khai thác các hợp đồng mới năm 2014 gặp nhiều khó khăn do vậy sản lượng và doanh thu không đạt được các chỉ tiêu theo nghị quyết DHDCD năm 2014 đề ra, nhưng các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh đều có tăng trưởng so với năm 2013. Ban lãnh đạo Công ty đã chủ động huy động nguồn vốn cho doanh nghiệp, tăng cường công tác tiếp thị, hợp tác với các đối tác nước ngoài để đưa công nghệ tiên tiến áp dụng trong các dự án đầu tư, hoàn thành các sản phẩm có chất lượng cao... nên Công ty đã giữ vững hoạt động kinh doanh ổn định và có tăng trưởng qua từng năm.

6.2. Rủi ro về luật pháp

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chịu sự điều chỉnh bởi hệ thống pháp luật và chính sách của Nhà nước, bao gồm: Luật doanh nghiệp, Luật Xây dựng, Luật đấu thầu, các chính sách thuế, các cam kết hội nhập... Khi tham gia thị trường chứng khoán, Công ty còn chịu sự điều chỉnh của các văn bản pháp luật về thị trường chứng khoán. Do hệ thống pháp luật Việt Nam vẫn đang trong quá trình hoàn thiện nên sự thay đổi về chính sách luôn có thể xảy ra, sự thay đổi có thể mang đến những thuận lợi nhưng cũng có thể tạo ra những bất lợi cho hoạt động kinh doanh của Công ty.

6.3. Rủi ro đặc thù

❖ Rủi ro của ngành:

Tập đoàn Hóa chất Việt Nam với ngành nghề kinh doanh chính là: Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước; Sản xuất, kinh doanh phân bón, thuốc bảo vệ thực vật; hóa chất cơ bản, hóa chất tiêu dùng; Công nghiệp hóa chất, hóa dược, hóa dầu; Công nghiệp chế biến cao su; công nghiệp khai thác mỏ; Kinh doanh máy móc thiết bị, nguyên vật liệu phục vụ cho ngành công nghiệp hóa chất; Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao và các ngành nghề khác theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh một số rủi ro đặc thù của ngành như sau:

Rủi ro về nguồn đầu vào:

- Chi phí nguồn nguyên vật liệu đầu vào dùng trong quá trình sản xuất phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, hóa chất cơ bản... là yếu tố ảnh hưởng lớn đến kế hoạch sản xuất và lợi nhuận hằng năm của các doanh nghiệp trong ngành. Sự biến động không lường trước được của giá các yếu tố đầu vào sẽ khiến doanh nghiệp bị động trong công tác kiểm soát chi phí và xác định giá thành sản phẩm.
- Đối với nhóm sản xuất sản phẩm hàng tiêu dùng: Như sản phẩm sẫm lốp ô tô, xe máy, sản phẩm pin, ắc quy, sản phẩm chất tẩy rửa, sản phẩm sơn các loại giá nguyên liệu đầu vào không ổn định, thường có xu hướng tăng cao làm cho hiệu quả sản xuất kinh doanh tăng thấp.

Rủi ro về tính cạnh tranh:

Do việc đầu tư máy móc thiết bị, công nghệ sản xuất chưa được hiện đại nên tính cạnh tranh về chất lượng sản phẩm so với các sản phẩm cùng loại nhập khẩu thường bị thua kém, giá cả một số sản phẩm phân bón còn nằm trong quản lý và điều tiết chung của nhà nước phù hợp với tình hình kinh tế trong nước... Ngoài ra việc nhập lậu phân bón, các sản phẩm hóa chất qua

nhiều con đường chưa được kiểm soát, sản xuất phân bón giả ... nên làm ảnh hưởng đến giá bán sản phẩm, giảm sức mua của thị trường ảnh hưởng tới uy tín của sản phẩm.

❖ **Rủi ro Công ty**

Công ty hoạt động trong lĩnh vực tư vấn đầu tư xây dựng trong ngành công nghiệp hóa chất và công nghiệp khác liên quan nên Công ty cũng chịu những rủi ro của ngành liên quan đến hoạt động kinh doanh.

Rủi ro về chất lượng các sản phẩm tư vấn: Công ty tuân thủ chặt chẽ các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng trong việc lập dự án và trong khâu thiết kế. Tuy nhiên, trong quá trình lập dự án và trong khâu thiết kế, Công ty có thể gặp rủi ro khi các quy chuẩn, tiêu chuẩn của dự án không phù hợp với thông lệ quốc tế, hay không phù hợp với các Công ty thiết kế.

Ngoài ra, Công ty phải tuân thủ theo các quy định pháp lý về lựa chọn bổ nhiệm các chức danh liên quan đến dự án (chủ nhiệm lập dự án, chủ nhiệm thiết kế...). Khi thực thi dự án, do sự bất cẩn hay sai sót của các chức danh chủ nhiệm lập dự án hay chủ nhiệm thiết kế... khiến Công ty gặp rủi ro làm ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm tư vấn.

Rủi ro trong việc thực hiện các gói thầu EPC: Công ty gặp phải rủi ro liên quan đến quy định về đền bù vật chất khi thiết kế sai, dẫn đến hư hỏng công trình, không đảm bảo chất lượng thiết bị, công suất, chất lượng sản phẩm...

6.4. Rủi ro tài chính

Với nhu cầu đầu tư để mở rộng doanh nghiệp sản xuất kinh doanh, đa dạng hóa các lĩnh vực kinh doanh thì Công ty sẽ phải huy động vốn từ các tổ chức tín dụng để đảm bảo nhu cầu vốn lưu động và như vậy cơ cấu vốn cũ bị thay đổi. Khi đó các chính sách tiền tệ quốc gia, tình hình biến động lãi suất, tỷ lệ tăng trưởng tín dụng... sẽ tác động mạnh đến hoạt động kinh doanh, Công ty cần có những định hướng thích hợp nhất để sử dụng tối ưu nguồn vốn.

Mặt khác, nguồn vốn vay hiện nay của Công ty một phần phụ thuộc vào vốn vay ngân hàng, đây là một rủi ro tiềm tàng mà Công ty cần cải thiện càng nhanh càng tốt. Việc phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ thực sự giúp Công ty lành mạnh hóa tình hình tài chính, chủ động hơn về vốn lưu động, tránh các rủi ro về tình hình tài chính.

6.5. Rủi ro khác

Các rủi ro bất khả kháng như thiên tai, chiến tranh, dịch bệnh trong khu vực và trên thế giới đều có thể gây ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty. Các bất ổn về kinh tế, xã hội trong khu vực cũng như trên thế giới cũng có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Vì vậy, Công ty thường xuyên nắm bắt kịp thời thông tin về những diễn biến tình hình kinh tế, chính trị, xã hội của Việt Nam cũng như các nước lân cận để lên kế hoạch điều hành công việc một cách tối ưu, cơ cấu lại quy mô đầu tư của các sản phẩm mà Công ty cho phù hợp.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Công ty cổ phần Thiết kế công nghiệp hóa chất hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần từ ngày 01 tháng 04 năm 2006 đến nay, sau gần 10 năm đi vào hoạt động mặc dù có những khó khăn do chuyển đổi mô hình quản lý, mở rộng ngành nghề phù hợp với nền kinh tế thị trường nhưng Công ty từng bước vượt qua và dành được nhiều hợp đồng có giá trị về kinh tế trong lĩnh vực tư vấn thiết kế, thi công xây lắp.

Năm 2012 Công ty cổ phần Thiết kế công nghiệp hóa chất đã tham gia góp vốn 8.300 triệu đồng thành lập Công ty cổ phần Máy và Thiết bị công nghiệp hóa chất Việt Nam. Và đến năm 2014, Công ty đã góp thêm 1.245 triệu đồng tăng vốn góp của Công ty lên 9.545 triệu đồng.

Năm 2014 tình hình kinh tế - xã hội trong nước đã có bước chuyển tích cực, đúng hướng trên hầu hết các lĩnh vực, đạt được những kết quả quan trọng, toàn diện. Trên thị trường, tình hình lãi suất các Ngân hàng đã giảm so với cùng kỳ năm 2013 tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp triển khai các dự án đầu tư. Các dự án trong kế hoạch triển khai năm 2014 của Tập đoàn nói chung thuận lợi, đặc biệt là trong lĩnh vực phân bón và hóa chất do có sự điều chỉnh và định hướng từ sớm của Tập đoàn tiêu biểu như: dự án đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất phân bón DAP số 2, dự án cải tạo và mở rộng Nhà máy phân đạm Hà Bắc, dự án Muối Lào...

Về tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2014 có nhiều thuận lợi do giá trị các Hợp đồng EPC lớn đã ký từ các năm trước chuyển sang, tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên do các chế độ, chính sách của Nhà nước thay đổi (như thay đổi của Luật đấu thầu áp dụng từ ngày 01/07/2014...) dẫn đến việc Công ty chưa đáp ứng được chỉ tiêu đã đăng ký với Tập đoàn Hóa chất Việt Nam và chỉ tiêu phấn đấu của Công ty theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2014 đã đề ra. Một số thông tin cụ thể về tình hình sản xuất kinh doanh 2014 như sau :

a. Số lượng và giá trị các hợp đồng thực hiện năm 2014

Tổng số các hợp đồng được Công ty tổ chức thực hiện trong năm 2014 là 215 hợp đồng với tổng giá trị là 633,088 tỷ đồng.

Trong đó:

- Tư vấn Thiết kế	:	68,235 tỷ đồng (112 Hợp đồng)
- Thi công, xây lắp	:	559,152 tỷ đồng (67 Hợp đồng, 03 HĐ EPC)
- Dịch vụ khác	:	5,701 tỷ đồng (33 Hợp đồng)

Trong đó:

Số lượng hợp đồng của các năm trước chuyển sang năm 2014 thực hiện là 77 hợp đồng với giá trị còn lại là: 549,895 tỷ đồng.

Trong đó:

- Tư vấn Thiết kế	:	29,134 tỷ đồng (59 Hợp đồng)
- Thi công, xây lắp	:	519,849 tỷ đồng (9 Hợp đồng, 03 HĐ EPC)
- Dịch vụ khác	:	0,911 tỷ đồng (6 Hợp đồng)

Số lượng hợp đồng ký trong năm 2014 thực hiện là 138 hợp đồng với giá trị là: 83,194 tỷ đồng.

Trong đó:

- Tư vấn Thiết kế: 39,101 tỷ đồng (53 Hợp đồng)
- Thi công, xây lắp: 39,303 tỷ đồng (58 Hợp đồng)
- Dịch vụ khác: 4,790 tỷ đồng (27 Hợp đồng)

b. Kết quả một số chỉ tiêu chính đạt được 2014 (số liệu tại BCTC hợp nhất) như sau:

- Tổng doanh thu đạt : 444,495 tỷ tăng 101,92% so với năm 2013
- Lợi nhuận trước thuế : 20,261 tỷ tăng 108,66% so với 2013
- Nộp ngân sách : 31,559 tỷ đồng

c. Đánh giá chung về tình hình sản xuất kinh doanh năm 2014

Trong năm 2014 Công ty có nhiều thuận lợi do khối lượng công việc đã ký Hợp đồng khá lớn so với những năm trước. Việc chuyển đổi hình thức thực hiện dự án dần từ thiết kế là chủ yếu sang hình thức EPC, đem lại cho Công ty có nhiều thuận lợi với giá trị doanh thu từ các hợp đồng này lớn, cơ hội tiếp xúc với các tập đoàn, đối tác kỹ thuật, nhà bản quyền công nghệ nước ngoài và các quy trình tiên tiến khi thực hiện các dự án, đã dần ảnh hưởng đến tư duy cũng như cách thức triển khai dự án có nhiều thay đổi như Hợp đồng EPC DAP số 2, Hợp đồng EPC Đạm Hà Bắc... Đặc biệt là sự nỗ lực không ngừng của đội ngũ cán bộ quản lý trong Công ty như trưởng phó các đơn vị, các chủ nhiệm dự án, các chuyên gia kỹ thuật đã góp phần rất lớn để thực hiện các dự án.

Tuy nhiên, kinh nghiệm thực hiện còn hạn chế cũng như các quy trình, hướng dẫn chi tiết về kỹ thuật về tất cả các khâu từ Thiết kế, Mua sắm, Thi công từ trước đến nay của Công ty chưa đầy đủ nên có nhiều khó khăn và bỡ ngỡ trong quá trình thực hiện, đội ngũ cán bộ kỹ sư thiết kế có nhiều cán bộ trẻ chưa có nhiều kinh nghiệm nên đã ảnh hưởng phần lớn đến việc thực hiện các công tác thiết kế và tiến độ công việc

2. Tổ chức và nhân sự

❖ Danh sách Ban điều hành:

Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Giám đốc
Ông Văn Đức Thắng	Phó giám đốc
Ông Lê Văn Lượng	Phó giám đốc (nghỉ chế độ từ ngày 01/01/2015)
Ông Trần Đăng Thái	Phó giám đốc (bổ nhiệm ngày 01/11/2014)
Ông Nguyễn Công Thắng	Phó giám đốc (bổ nhiệm ngày 01/01/2015)
Ông Đinh Đức Bộ	Kế toán trưởng

Sơ yếu lý lịch thành viên Ban điều hành**✦ Giám đốc – Ông Nguyễn Mạnh Hùng**

Họ và tên : **Nguyễn Mạnh Hùng**
 Số CMND : 011425292 Ngày cấp: 12/10/2004 Tại: CA Tp Hà Nội
 Giới tính : Nam
 Ngày tháng năm sinh : 21/01/1961
 Quốc tịch : Việt Nam
 Dân tộc : Kinh
 Quê quán : Phường Cự Khối , Quận Long Biên , TP Hà Nội
 Địa chỉ thường trú : Số 26 , Ngách 75, ngõ Thịnh Hào 1, phố Tôn Đức Thắng, phường Hàng Bột, Đống Đa, Hà Nội
 Trình độ văn hóa : 10/10
 Trình độ chuyên môn : Kỹ sư xây dựng

Thời gian**Quá trình công tác**

Từ 1985 đến 9/2000 Nhân viên phòng thiết kế xây dựng, Công ty Thiết kế công nghiệp Hóa chất
Từ 10/2000 đến 3/2006 Phó phòng Thiết kế Xây dựng Công ty Thiết kế công nghiệp Hóa chất
Từ 4/2006 đến 12/2007 Phó phòng Thiết kế Xây dựng Công ty CP Thiết kế công nghiệp Hóa chất
Từ 1/2008 đến 1/2011 Công tác tại Ban Đầu tư xây dựng – Tập đoàn Hóa chất Việt nam, Thành viên HĐQT Công ty CP Thiết kế công nghiệp hóa chất
Từ 2/2011 đến 6/2011 Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc Công ty CP Thiết kế công nghiệp hóa chất
Từ 7/2011 đến nay. Thành viên HĐQT, Giám đốc Công ty CP Thiết kế công nghiệp hóa chất
Từ 04/2011 đến nay Thành viên HĐQT Công ty CP Tư vấn đầu tư và Xây dựng Mỏ
 Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty : Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc Công ty
 Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác : Thành viên HĐQT CTCP Tư vấn đầu tư và Xây dựng Mỏ
 Số lượng cổ phần cá nhân sở hữu : 18.000 cổ phần – chiếm 0,6% vốn điều lệ
 Số cổ phần của người có liên quan : Không
 Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không

Các khoản nợ đối với Công ty	:	Không
Thù lao và các khoản lợi ích khác	:	Thù lao HĐQT 4.000.000 đồng/tháng, hưởng lương theo quy chế
Lợi ích liên quan đối với Công ty	:	không

➤ **Phó giám đốc: Ông Văn Đức Thắng**

Họ và tên	:	Văn Đức Thắng
Số CMND	:	011076611 cấp ngày 23/10/2001 do CA Hà nội cấp .
Giới tính	:	Nam
Ngày tháng năm sinh	:	23/3/1964
Quốc tịch	:	Việt Nam
Dân tộc	:	Kinh
Quê quán	:	Hải Phú - Hải Lăng - Quảng Trị
Địa chỉ thường trú	:	Số 18, B20 Hoàng Ngọc Phách, Đống Đa, Hà Nội
Chỗ ở hiện tại	:	Số 18, B20 Hoàng Ngọc Phách, Đống Đa, Hà Nội
Trình độ văn hóa	:	10/10
Trình độ chuyên môn	:	Kiến trúc sư
Thời gian		Quá trình công tác
<i>Từ 6/ 1987 đến 6/2002</i>	:	Nhân viên Phòng Thiết kế xây dựng Công ty Thiết kế công nghiệp hóa chất
<i>Từ 7/2002 đến 3/2006</i>	:	Phó phòng Kế hoạch kinh doanh Công ty Thiết kế công nghiệp hóa chất
<i>Từ 4/2006 đến 10/2008</i>	:	Trưởng phòng Kế hoạch kinh doanh Công ty CP Thiết kế công nghiệp hóa chất
<i>Từ 11/2008 đến nay</i>	:	Phó Giám đốc Công ty CP Thiết kế công nghiệp hóa chất
Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty	:	Phó Giám đốc
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	:	Không
Số lượng cổ phần cá nhân sở hữu	:	11.400 cổ phần – chiếm 0,38% vốn điều lệ
Số cổ phần của người có liên quan	:	bà Phạm Thị Thu Giang sở hữu 8.027 cổ phần – chiếm 0,27 % vốn điều lệ
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	:	Không
Thù lao và các khoản lợi ích khác	:	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty	:	Không

✚ Phó giám đốc – Ông Lê Văn Lượng

Họ và tên	:	Lê Văn Lượng
Số CMND	:	024177422 cấp ngày 10/9/2003 do CA TP HCM cấp
Giới tính	:	Nam
Ngày tháng năm sinh	:	10/10/1954
Quốc tịch	:	Việt nam
Dân tộc	:	Kinh
Quê quán	:	Xã Thiệu Quang, huyện Thiệu hóa, tỉnh Thanh hóa
Hộ khẩu thường trú	:	406/6 Ung Văn Kiêm, phường 25 Q. Bình Thạnh TP HCM
Chỗ ở hiện tại	:	406/6 Ung Văn Kiêm, phường 25 Q. Bình Thạnh TP HCM
Trình độ văn hóa	:	10/10
Trình độ chuyên môn	:	Kỹ sư xây dựng

Thời gian	Quá trình công tác
Từ 10/1986 đến 8/2000	: Kỹ sư xây dựng, Công ty Thiết kế công nghiệp Hóa chất
Từ 9/2000 đến 5/2001	: Kỹ sư xây dựng, CN Công ty Thiết kế công nghiệp Hóa chất tại TP HCM
Từ 6/2001 đến 3/2006	: Phó Giám đốc CN Công ty Thiết kế công nghiệp Hóa chất tại TP HCM .
Từ 4/2006 đến 3/2008	: Phó Giám đốc CN Công ty CP Thiết kế công nghiệp Hóa chất tại TP HCM .
Từ 4/2008 đến 3/2012	: Giám đốc CN Công ty CP Thiết kế công nghiệp Hóa chất tại TP HCM .
Từ 4/2012 đến nay	: Phó Giám đốc Công ty CP Thiết kế công nghiệp Hóa chất.
Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty	: Phó Giám đốc
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	: Không
Số lượng cổ phần cá nhân sở hữu	: 20.170 cổ phần – chiếm 0,68% vốn điều lệ
Số cổ phần của người có liên quan	: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không
 Các khoản nợ đối với Công ty : Không
 Thù lao và các khoản lợi ích khác : Không
 Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không

✚ **Phó giám đốc – Ông Trần Đăng Thái**

Họ và tên : **Trần Đăng Thái**
 Số CMND : 011826116 ngày cấp: 05/11/2008 tại: CA Tp Hà Nội
 Giới tính : Nam
 Ngày tháng năm sinh : 27/02/1976
 Quốc tịch : Việt Nam
 Dân tộc : Kinh
 Quê quán : xã Mỹ Xã, huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định
 Hộ khẩu thường trú : P.401, chung cư E681, phường Liễu Giai, quận Ba Đình, Hà Nội.
 Chỗ ở hiện tại : P.401, chung cư E681, phường Liễu Giai, quận Ba Đình, Hà Nội.
 Trình độ văn hóa : 12/12
 Trình độ chuyên môn : Kỹ sư công nghệ hóa học

Thời gian	Quá trình công tác
<i>Từ 9/1999 đến 9/2000</i>	: Kỹ sư, Công ty Hóa phẩm Ba Nhất
<i>Từ 11/2000 đến 19/8/2009</i>	: Kỹ sư, Phòng Thiết kế Công nghệ Lắp đặt, Công ty Thiết kế Công nghiệp Hóa chất (nay là Công ty CP Thiết kế Công nghiệp Hóa chất)
<i>Từ 8/2009 đến 5/2011</i>	: Phó Giám đốc, Trung tâm Tư vấn đầu tư, Công ty CP Thiết kế Công nghiệp Hóa chất
<i>Từ 5/2011 đến 5/2013</i>	: Giám đốc, Trung tâm Tư vấn đầu tư, Công ty CP Thiết kế Công nghiệp Hóa chất
<i>Từ 5/2013 đến 10/2014</i>	: Trưởng phòng, Phòng Dự án DAP2, Công ty CP Thiết kế Công nghiệp Hóa chất
<i>Từ 11/2014 đến nay</i>	: Phó giám đốc Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất
Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty	: Phó giám đốc Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	: Không

Số lượng cổ phần cá nhân sở hữu	:	6.491 cổ phần – chiếm 0,22 % vốn điều lệ
Số cổ phần của người có liên quan	:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	:	Không
Thù lao và các khoản lợi ích khác	:	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty	:	Không

± Phó giám đốc – Ông Nguyễn Công Thắng

Họ và tên	:	Nguyễn Công Thắng
Số CMND	:	011637754 ngày cấp: 30/03/2012 tại: CA Tp Hà Nội
Giới tính	:	Nam
Ngày tháng năm sinh	:	26/04/1974
Quốc tịch	:	Việt Nam
Dân tộc	:	Kinh
Quê quán	:	Phường Bồ Xuyên, TX.Thái Bình, tỉnh Thái Bình
Hộ khẩu thường trú	:	Số 3, ngõ 63, đường Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, Hà Nội.
Chỗ ở hiện tại	:	C18-02 Chung cư Đất Phương Nam, đường Chu Văn An, phường 12, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.
Trình độ văn hóa	:	12/12
Trình độ chuyên môn	:	Kỹ sư máy hóa

Thời gian

Quá trình công tác

Từ 11/1996 đến 05/1999	:	Kỹ sư, Phòng Thiết kế Công nghệ Lắp đặt Công ty Thiết kế Công nghiệp Hóa chất
Từ 05/1999 đến 05/2002	:	Kỹ sư, Chi nhánh Công ty Thiết kế Công nghiệp Hóa chất tại Thành phố Hồ Chí Minh
Từ 05/2002 đến 05/2004	:	Phó Trưởng phòng, Phòng Kinh tế Nghiệp vụ thuộc Chi nhánh Công ty CP Thiết kế Công nghiệp Hóa chất tại Thành phố Hồ Chí Minh
Từ 05/2004 đến 04/2006	:	Trưởng phòng, Phòng Kinh tế Nghiệp vụ thuộc Chi nhánh Công ty CP Thiết kế Công nghiệp Hóa chất tại Thành phố Hồ Chí Minh
Từ 04/2006 đến 01/2007	:	Trưởng phòng, Phòng Tư vấn và Quản lý thi công thuộc Chi nhánh Công ty CP Thiết kế Công nghiệp Hóa chất tại Thành phố Hồ Chí Minh

Từ 01/2007 đến 03/2008	:	Trưởng phòng, Phòng Cung ứng thuộc Chi nhánh Công ty CP Thiết kế Công nghiệp Hóa chất tại Thành phố Hồ Chí Minh
Từ 03/2008 đến 08/2009	:	Phó giám đốc Chi nhánh Công ty CP Thiết kế Công nghiệp Hóa chất tại Thành phố Hồ Chí Minh
Từ 08/2009 đến 03/2012	:	Trưởng phòng, Phòng Quản lý thông tin và Đấu thầu thuộc Công ty CP Thiết kế Công nghiệp Hóa chất
Từ 04/2011 đến 04/2012	:	Ủy viên HĐQT Công ty CP Thiết kế Công nghiệp Hóa chất
Từ 04/2012 đến 12/2014	:	Ủy viên HĐQT, Giám đốc Chi nhánh Công ty CP Thiết kế Công nghiệp Hóa chất tại Thành phố Hồ Chí Minh
Từ 01/2015 đến nay	:	Ủy viên HĐQT, Phó Giám đốc Công ty CP Thiết kế Công nghiệp Hóa chất

Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty	:	Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc Công ty
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	:	Không
Số lượng cổ phần cá nhân sở hữu	:	86.779 cổ phần – chiếm 2,90 % vốn điều lệ
Số cổ phần của người có liên quan	:	Bà Nguyễn Hương Chi (mẹ vợ) sở hữu 10.832 cổ phần – chiếm 0,36 % vốn điều lệ
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	:	Không
Thù lao và các khoản lợi ích khác	:	Thù lao 4.000.000d/tháng, lương theo quy chế
Lợi ích liên quan đối với Công ty	:	Không

⚡ Kế toán trưởng – Ông Đinh Đức Bộ

Họ và tên	:	Đinh Đức Bộ
Số CMND	:	034062000580 ngày cấp: 24/11/2014 tại: CA Tp Hà Nội
Giới tính	:	Nam
Ngày tháng năm sinh	:	20/07/1962
Quốc tịch	:	Việt Nam
Dân tộc	:	Kinh
Quê quán	:	Xã Việt Hùng, Huyện Vũ thư, Tỉnh Thái bình
Hộ khẩu thường trú	:	P.502b-TT Viện TKCNHC, Tôn Đức Thắng, Đống Đa, Hà Nội.
Chỗ ở hiện tại	:	Số 14, hẻm 76/1, ngõ Thịnh Hòa 1, Tôn Đức Thắng, Đống Đa, Hà Nội.
Trình độ văn hóa	:	10/10

Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế

Thời gian **Quá trình công tác**

Từ 1987 đến 10/1995 : Phụ trách kế toán tại xí nghiệp sản xuất hóa chất trực thuộc Công ty Thiết kế công nghiệp hóa chất

Từ 11/1995 đến 2000 : Nhân viên kế toán tại phòng Tài chính Kế toán Công ty Thiết kế công nghiệp hóa chất

Từ 2001 đến 31/3/2006 : Phó trưởng phòng tài chính kế toán Công ty Thiết kế công nghiệp hóa chất

Từ 4/2006 đến nay : Kế toán trưởng Công ty CP Thiết kế Công nghiệp hóa chất

Từ 04/2011 đến nay : Thành viên HĐQT, Kế toán trưởng Công ty CP Thiết kế Công nghiệp hóa chất

Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty : Thành viên HĐQT, Kế toán trưởng Công ty

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác : Không

Số lượng cổ phần cá nhân sở hữu : 73.570 cổ phần – chiếm 2,46 % vốn điều lệ

Số cổ phần của người có liên quan : ông Đinh Đức Đội (em trai) sở hữu 1.754 cổ phần – chiếm 0,06 % vốn điều lệ

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không

Các khoản nợ đối với Công ty : Không

Thù lao và các khoản lợi ích khác : Thù lao 4.000.000d/tháng, lương theo quy chế

Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không

❖ Những thay đổi trong ban điều hành:

Năm 2014, Công ty cổ phần Thiết kế công nghiệp Hóa chất có những thay đổi trong thành phần ban điều hành như sau:

- Quyết định bổ nhiệm: 02 Phó Giám đốc công ty là ông Trần Đăng Thái (từ ngày 01/11/2014) và ông Nguyễn Công Thắng (từ ngày 01/01/2015)
- Ông Lê Văn Lượng – Phó giám đốc Công ty nghỉ chế độ từ ngày 01/01/2015

❖ Số lượng cán bộ, nhân viên.

STT	Trình độ	Số lượng lao động (người)
1	Trình độ Đại học và trên Đại học	229
2	Trình độ Cao đẳng, trung cấp	9
3	Công nhân kỹ thuật, lao động phổ thông (có chứng chỉ học nghề)	11
Tổng số		249

✚ *Chế độ làm việc:*

- Công ty làm việc 5,5 ngày trong một tuần từ thứ 2 đến sáng thứ 7 hằng tuần.
- Giờ làm việc hằng ngày: Sáng bắt đầu làm việc từ 8h đến 11h30, chiều từ 13h đến 16h30, tổng số giờ làm việc hằng ngày là 7h và 30 phút.

✚ *Chính sách đào tạo:*

Để đáp ứng được sự phát triển của Công ty hiện tại cũng như lâu dài, HĐQT Công ty luôn quan tâm đến chính sách đào tạo phát triển nguồn nhân lực, đặc biệt là nhân lực chất lượng cao phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Công ty đã và đang triển khai thực hiện một số công việc đào tạo cho người lao động làm việc ở Công ty như sau:

- Đào tạo ban đầu:
 - Đối tượng là các lao động mới tuyển dụng vào Công ty.
 - Hình thức: Tổ chức các lớp đào tạo ban đầu như: Giới thiệu về Công ty, phổ biến các quy định, chính sách liên quan đến người lao động, mô hình tổ chức bộ máy Công ty...
- Đào tạo về chuyên môn nghiệp vụ:
 - Lập các quy định, yêu cầu công việc cho các vị trí cụ thể của từng đơn vị.
 - Đào tạo ngoại ngữ dưới nhiều hình thức như đào tạo tại Công ty, nhân viên tự đào tạo theo lĩnh vực chuyên môn.
 - Đào tạo cho cán bộ quản lý tại các khóa học ngắn ngày và dài ngày tùy từng chuyên môn như: Quản trị kinh doanh, quản lý lao động, quản lý hợp đồng,...
 - Đào tạo quản lý dự án: Công ty sẽ đào tạo nâng cao cho một số kỹ sư (4-5 kỹ sư) có kinh nghiệm và kỹ năng tốt (do chuyên gia nước ngoài giảng dạy) để làm việc cho những dự án lớn. Tổ chức các khóa đào tạo ngắn hạn tại Công ty (kết hợp chuyên gia nước ngoài và chuyên gia trong nước giảng dạy). Khuyến khích các kỹ sư học văn bằng 2, học cao học, ngoại ngữ ...
 - Đào tạo phát triển các kỹ năng như : Kỹ năng trình bày, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng tin học
 - Từ năm 2012 đến 2013, Công ty cử 18 kỹ sư đi đào tạo theo công việc tại Thái Lan và Singapore.
 - Công ty đã cử nhân viên bồi dưỡng nghiệp vụ Quản lý đấu thầu, Quản lý dự án, Quản trị và lập hợp đồng kinh tế.
 - Tổ chức lớp học về phần mềm thiết kế PDMS.

✚ *Chính sách lương:*

Tất cả người lao động làm việc tại Công ty đều được Công ty ký hợp đồng lao động (kể cả ngắn hạn, dài hạn, lao động thời vụ). Việc trả lương cho người lao động trong Công ty được thực hiện theo quy chế lương của Công ty do Hội đồng quản trị ban hành theo Quyết định số 22/QĐ-CTTK ngày 16/02/2012. Quy chế lương của Công ty được xây dựng làm căn cứ trả lương, phục

vụ chiến lược phát triển nguồn nhân lực, nâng cao năng suất lao động và đảm bảo chính sách đãi ngộ của Công ty với người lao động.

Tiền lương trả cho người lao động thực hiện theo quy chế lương gồm một số nội dung chính sau :

- Tiền lương trả cho người lao động gồm 4 phần: Lương thời gian, lương năng suất, lương quản lý, lương bổ sung.
- Lương thời gian: Bất cứ người lao động nào khi đến Công ty làm việc đều được trả khoản lương tính theo thời gian hàng tháng để đảm bảo mức sống tối thiểu và chi phí tái sản xuất sức lao động của người lao động. Mức lương thời gian Công ty trả cho người lao động đảm bảo ổn định phần thu nhập trên mức lương tối thiểu vùng do Nhà nước quy định.
- Lương năng suất: Đây là phần thu nhập quan trọng nhất mang tích chất tiền lương và tỷ lệ với năng suất và chất lượng lao động.
- Lương bổ sung: Phần lương này nhằm khuyến khích người lao động khi sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao, điều hòa thu nhập, bổ sung tiền lương cho người lao động nghỉ chế độ chính sách....
- Lương quản lý: Trả cho hao phí lao động của công tác quản lý, điều hành, kiểm soát các hoạt động của Công ty. Trả cho thời gian học, họp ngoài Công ty theo yêu cầu của các cấp ...Đối tượng hưởng lương quản lý gồm: Lãnh đạo Công ty (HĐQT, ban Giám đốc, kế toán trưởng) các chức danh quản lý các bộ phận của Công ty, các thành viên trong các hội đồng thường trực của Công ty...

⚡ *Chính sách thưởng:*

Công ty thực hiện chính sách thưởng cho người lao động khi người có những đóng góp lớn, hiệu quả cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, chấp hành tốt nội quy của Công ty. Tiền thưởng chi cho người lao động được thực hiện từ các nguồn sau:

- Thưởng từ quỹ tiền lương cho người lao động có những đóng góp tích cực, hiệu quả cho từng dự án.
- Thưởng từ quỹ khen thưởng cho những cán bộ công nhân viên có những thành tích trong công tác, lao động do các cấp xét vào dịp kết thúc năm, hoặc có những sáng kiến, thành tích đột xuất được ghi nhận.
- Đối với lãnh đạo Công ty: Gồm các thành viên HĐQT, Ban Giám đốc Công ty.... Khi có những đóng góp vào việc hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty, sản xuất kinh doanh có hiệu quả sẽ được HĐQT trình Đại hội đồng cổ đông xem xét trích quỹ thưởng cho HĐQT, ban điều hành vào kỳ đại hội cổ đông thường niên hằng năm.

⚡ *Các chế độ, chính sách khác đối với người lao động:*

- Ngoài chính sách lương, thưởng người lao động trong Công ty còn được Công ty hỗ trợ kinh phí đào tạo trong nước và ngoài nước để nâng cao trình độ chuyên môn, ngoại ngữ, năng lực quản lý...

- Công ty còn có quy định hỗ trợ chi phí sử dụng điện thoại phục vụ công tác cho một số đối tượng gồm HĐQT, Ban Giám đốc, Trưởng ban Kiểm soát, trưởng phó các đơn vị ... hàng tháng.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Các khoản đầu tư lớn trong năm 2014:

Trong năm 2014, Công ty đã góp bổ sung vốn góp vào Công ty Cổ phần Máy và thiết bị công nghiệp Hóa chất Việt Nam với số tiền là 1,245 triệu đồng

b) Công ty con của CECO: Công ty cổ phần Máy và Thiết bị công nghiệp hóa chất Việt Nam (VMEC)

Kết quả hoạt động kinh doanh của (VMEC) trong năm 2014

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	Tăng (giảm) 2014 so với 2013
1	Tổng giá trị tài sản	21,623,202,548	28,909,546,642	133.70%
2	Doanh thu thuần	33,304,329,354	43,003,105,108	129.12%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	1,817,613,075	3,975,981,626	218.75%
4	Lợi nhuận sau thuế	1.363.114.597	3,080,212,301	225.97%
5	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	909	1,918	211%

(Nguồn : báo cáo tài chính kiểm toán công ty VMEC)

Năm 2014 là một năm hoạt động sản xuất kinh doanh đạt được nhiều kết quả tích cực của VMEC. Trong đó nhiều chỉ tiêu tài chính tăng mạnh so với năm 2013. Thành tích này phản ánh được sự nỗ lực của toàn bộ cán bộ công nhân viên của VMEC trong năm 2014.

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

Đơn vị: Đồng

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	Tăng giảm 2014 so với 2013
1	Tổng giá trị tài sản	231.220.910.433	241.591.339.391	104,48%

2	Doanh thu thuần	433.478.027.650	442.865.101.572	102,17%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	18.340.794.407	18.680.478.888	101,85%
4	Lợi nhuận khác	305.852.076	1.580.222.220	516,66%
5	Lợi nhuận trước thuế	18.646.646.483	20.260.701.108	108,66%
6	Lợi nhuận sau thuế	13.887.858.146	15.758.995.306	113,47%
	Lợi ích cổ đông thiểu số	608.857.853	1.375.828.161	259,54%
	Lợi nhuận sau thuế Công ty mẹ	13.279.000.293	14.383.167.145	108,32%
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	-	-	-

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2013	Năm 2014	Ghi chú
<i>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>				
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLD/Nợ ngắn hạn	Lần	1,09	1,21	
+ Hệ số thanh toán nhanh: (TSLD - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	Lần	0,83	0,96	
<i>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>				
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0,75	0,73	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	3,45	3,08	
<i>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>				
+ Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	Lần	10,61	8,7	
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Lần	1,87	1,83	
<i>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>				

+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	3,2	3,55	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	34,0	48,12	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	7,6	6,52	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	4,2	4,2	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần

Tổng số cổ phần đang lưu hành: 2.988.518 cổ phần

Toàn bộ cổ phần của Công ty đều là cổ phần phổ thông và không bị hạn chế chuyển nhượng.

b) Cơ cấu cổ đông:

- *Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần của Công ty tại thời điểm 25/03/2015*

Cổ đông	Địa chỉ	CMND/ ĐKKD	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ
Tập đoàn Hóa chất Việt nam	Số 1A Tràng Tiền - Hoàn Kiếm - Hà Nội	0100100061	1.576.818	52,76%
Tổng cộng			1.576.818	52,76%

- *Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 25/03/2015*

STT	Tên cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần nắm giữ (CP)	Tỷ lệ
I	CỔ ĐÔNG NHÀ NƯỚC	1	1.576.818	52,76%
1	Tập đoàn Hóa chất Việt Nam		1.576.818	52,76%
II	CỔ ĐÔNG TỔ CHỨC	1	66.801	2,24%
	<i>Trong đó:</i>			
	- Trong nước: CTCP Việt sáng tạo	1	66.801	2,24%
	- Nước ngoài	0	0	0%
III	CỔ ĐÔNG CÁ NHÂN	201	1.344.899	45,00%
	- Trong nước	201	1.344.899	45,00%
	- Nước ngoài	0	0	0%
	TỔNG CỘNG	203	2.988.518	100%

c) **Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:**

Trong năm 2014 vốn đầu tư chủ sở hữu của Công ty là 29.885.180.000 đồng được thể hiện trong báo cáo tài chính kiểm toán năm 2014 của Công ty.

d) **Giao dịch cổ phiếu quỹ:**

Công ty không có cổ phiếu quỹ

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc**1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh**

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	TH năm 2013	KH năm 2014	TH năm 2014	Tỷ lệ % TH/KH năm 2014	Tỷ lệ % TH 2014/2013
1	Tổng doanh thu	436.573	485.000	444.945	91,74%	101,92%
2	Tổng chi phí	417.926	466.000	424.684	91,13%	101,62%
3	Lợi nhuận trước thuế	18.647	19.000	20.261	106,64%	108,65%
4	Thuế TNDN	4.759	4.180	4.502	107,70%	94,60%
5	LNST	13.888	14.820	15.759	106,34%	113,47%

Năm 2014 tình hình kinh tế Việt Nam tình hình kinh tế - xã hội đã có bước chuyển tích cực, đúng hướng trên hầu hết các lĩnh vực, đạt được những kết quả quan trọng, toàn diện. Trên thị trường, tình hình lãi suất các Ngân hàng đã giảm so với cùng kỳ năm 2013 tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp triển khai các dự án đầu tư. Các dự án trong kế hoạch triển khai năm 2014 của Tập đoàn nói chung thuận lợi, đặc biệt là trong lĩnh vực phân bón và hóa chất do có sự điều chỉnh và định hướng từ sớm của Tập đoàn tiêu biểu như: dự án đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất phân bón DAP số 2, dự án cải tạo và mở rộng Nhà máy phân đạm Hà Bắc, dự án Muối Lào...

Về tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2014 có nhiều thuận lợi do giá trị các Hợp đồng EPC lớn đã ký từ các năm trước chuyển sang, tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên do các chế độ, chính sách của Nhà nước thay đổi (như thay đổi của Luật đấu thầu áp dụng từ ngày 01/07/2014...) dẫn đến việc Công ty chưa đáp ứng được chỉ tiêu đã đăng ký với Tập đoàn Hóa chất Việt Nam và chỉ tiêu phấn đấu của Công ty theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2014 đã đề ra. Một số thông tin cụ thể về tình hình sản xuất kinh doanh 2014 như sau :

b. Số lượng và giá trị các hợp đồng thực hiện năm 2014

Tổng số các hợp đồng được Công ty tổ chức thực hiện trong năm 2014 là 215 hợp đồng với tổng giá trị là 633,088 tỷ đồng.

Trong đó:

- Tư vấn Thiết kế : 68,235 tỷ đồng (112 Hợp đồng)
- Thi công, xây lắp : 559,152 tỷ đồng (67 Hợp đồng, 03 HĐ EPC)
- Dịch vụ khác : 5,701 tỷ đồng (33 Hợp đồng)

Trong đó:

Số lượng hợp đồng của các năm trước chuyển sang năm 2014 thực hiện là 77 hợp đồng với giá trị còn lại là: 549,895 tỷ đồng.

Trong đó:

- Tư vấn Thiết kế : 29,134 tỷ đồng (59 Hợp đồng)
- Thi công, xây lắp : 519,849 tỷ đồng (9 Hợp đồng, 03 HĐ EPC)
- Dịch vụ khác : 0,911 tỷ đồng (6 Hợp đồng)

Số lượng hợp đồng ký trong năm 2014 thực hiện là 138 hợp đồng với giá trị là: 83,194 tỷ đồng.

Trong đó:

- Tư vấn Thiết kế: 39,101 tỷ đồng (53 Hợp đồng)
- Thi công, xây lắp: 39,303 tỷ đồng (58 Hợp đồng)
- Dịch vụ khác: 4,790 tỷ đồng (27 Hợp đồng)

b. Kết quả một số chỉ tiêu chính đạt được 2014 như sau:

- Tổng doanh thu đạt : 444,495 tỷ tăng 101,92% so với năm 2013
- Lợi nhuận trước thuế : 20,261 tỷ tăng 108,66% so với 2013
- Nộp ngân sách : 31,559 tỷ đồng

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

Tổng tài sản của Công ty tại thời điểm 01/01/2014: 231.220.910.433 đồng

Tổng tài sản của Công ty tại thời điểm 31/12/2014: 241.591.339.391 đồng

Tổng tài sản của Công ty đã tăng 4,48% trong năm 2014.

Hiệu quả sử dụng tài sản: Chỉ số lợi nhuận sau thuế trên Tổng tài sản (ROA) năm 2014: 6,52%.

Khoản phải thu ngắn hạn năm 2014 là 69,594 tỷ đồng thấp hơn 52,162 tỷ so với năm 2013. Do trong năm 2014, Công ty với chính sách đôn đốc, tích cực trong việc thanh quyết toán khối lượng hoàn thành các công trình, cũng như thanh quyết toán các hợp đồng đã quyết toán nhanh dẫn đến giảm khoản phải thu ngắn hạn một cách đáng kể so với năm 2013

b) Tình hình nợ phải trả

Nợ phải trả của Công ty tại thời điểm 31/12/2014 là 175,526 tỷ đồng cao hơn 1,09% so với thời điểm đầu năm. Phần lớn các khoản nợ phải trả của Công ty đều là nợ phải trả ngắn hạn (174,1 tỷ đồng). Các khoản vay nợ của Công ty đều là các khoản vay nợ tín chấp ngắn hạn. Trong tình hình lãi suất đang hạ thấp và tương đối ổn định do đó không ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Đề củng cố bộ máy tổ chức, trong năm 2014: Hội đồng Quản trị, Giám đốc Công ty đã ký các quyết định:

- Bổ nhiệm lại: 01 Kế toán trưởng Công ty, 01 Phó Giám đốc Công ty, 01 Phó đơn vị.
- Bổ nhiệm mới: 02 Phó giám đốc Công ty, 07 Trưởng đơn vị, 06 Phó đơn vị (trong đó có 01 phó đơn vị phụ trách).
- Điều chuyển một số cán bộ giữa các đơn vị theo yêu cầu công việc.
- Để đảm bảo vận hành công việc một cách hiệu quả trong trường hợp Giám đốc thường xuyên phải đi công tác, không có mặt tại trụ sở Công ty, Giám đốc đã: Ủy quyền và phân công nhiệm vụ cho các Phó Giám đốc, kế toán trưởng giải quyết các công việc theo từng lĩnh vực; Ủy quyền thường xuyên cho các Giám đốc Chi nhánh trong việc ký hợp đồng lao động và hợp đồng xây dựng có định mức; Ủy quyền cho trưởng một số đơn vị thực hiện các nhiệm vụ.
- Chính sách tuyển dụng, đào tạo: Năm 2014, Công ty đã thực hiện công tác tuyển dụng thêm 23 cán bộ, kỹ sư.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Với những thành tích đạt được trong năm 2014, Công ty cổ phần Thiết kế công nghiệp Hóa chất phấn đấu hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh trong năm 2015 theo nghị quyết của ĐHDCD thường niên năm 2015 đề ra. Nhiệm vụ và mục tiêu đề ra trong công việc sản xuất kinh doanh cần đạt được các chỉ tiêu sau:

ĐVT: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Giá trị dự kiến năm 2015	Ghi chú
1	Tổng GTSXCN	348.000	
	Tư vấn TK & dịch vụ	55.000	
	Thi công, Mua sắm	290.000	
	Dịch vụ khác	3.000	
2	Tổng doanh thu	318.000	
	Tư vấn TK & dịch vụ	50.000	
	Thi công, Mua sắm	265.000	
	Doanh thu khác	3.000	
3	Lợi nhuận trước thuế	16.000	
4	Thu nộp ngân sách	17.857	
5	Thu nhập bình quân/tháng	12	
6	Đầu tư xây dựng	5.880	
	Tổng kinh phí sửa chữa lớn	2.500	
	Tổng mức đầu tư XD CB	3.380	
7	Đề tài NCKHCN	5.370	

Trong năm 2015, CECO dự kiến sẽ khai thác các dự án, công trình:

TT	Đơn vị	Số lượng	Giá trị dự kiến (triệu đồng)	Ghi chú
1	Trụ sở chính Công ty	10	160.422	
2	Chi nhánh Phú Thọ	8	22.500	
3	Chi nhánh Hải Phòng	20	30.000	
4	Chi nhánh TP.Hồ Chí Minh	15	20.000	
5	Chi nhánh Hà Nội	5	11.000	
	Tổng cộng		243.922	

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

✦ Hoạt động sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao hơn so với 2013, cụ thể:

TT	Chỉ tiêu	TH năm 2013	KH năm 2014	TH năm 2014	Tỷ lệ % TH/KH năm 2014	Tỷ lệ % TH 2014/2013
1	Tổng doanh thu	436.573	485.000	444.945	91,74%	101,92%
2	Tổng chi phí	417.926	466.000	424.684	91,13%	101,62%
3	Lợi nhuận trước thuế	18.647	19.000	20.261	106,64%	108,65%
4	Thuế TNDN	4.759	4.180	4.502	107,70%	94,60%
5	LNST	13.888	14.820	15.759	106,34%	113,47%

✦ Xây dựng quy chế, xây dựng bộ máy và lãnh đạo công tác phát triển nguồn nhân lực

- Hoàn thiện Điều lệ Công ty theo quy định tại Thông tư số 121/2012/TT-BTC ngày 26/7/2012 về quản trị công ty đại chúng (đã được DHĐCĐ thông qua);

- Hoàn thành và đưa vào vận hành một số quy định nội bộ: Quy chế hoạt động của Ban Thanh tra Nhân dân; Quy trình In ấn, xuất bản, lưu trữ và các hướng dẫn kèm theo; Quy trình Mã hóa, đánh số tài liệu dự án; Điều lệ Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ.

- Chỉ đạo chặt chẽ công tác tổ chức - cán bộ, tuyển dụng - đào tạo, cụ thể:

+ Tuyển dụng: Năm 2014 tuyển dụng thêm 23 nhân viên mới;

+ Đào tạo chuyên sâu: Cử 10 kỹ sư đi đào tạo quản lý dự án tại Thái Lan (TTCL) và 02 tại Singapore (Tập đoàn M+W).

✦ Công tác nghiên cứu khoa học, hợp tác đầu tư và xây dựng tài sản tri thức

- Nghiên cứu khoa học: triển khai 01 đề tài cấp Nhà nước thuộc chương trình công nghệ sinh học và nhiên liệu sinh học; tham gia 2 đề tài cấp Bộ Công Thương; Bảo vệ 03 đề tài cấp Tập đoàn và triển khai 17 đề tài cấp công ty.

- Công tác đầu tư: Tăng cường đầu tư trang thiết bị, phương tiện phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh (mua xe máy, máy tính, phần mềm thiết kế chuyên dụng,...); Thực hiện kế hoạch sửa chữa tại trụ sở Công ty; Đầu tư vốn ra ngoài vào VMEC.

✦ Lãnh đạo, kiểm soát và tham gia điều hành sản xuất kinh doanh, kiểm soát tài sản:

- Thực hiện tốt vai trò chỉ đạo sản xuất kinh doanh năm 2014;
- Chủ động đảm bảo tài chính để thực hiện các công việc;
- Trực tiếp chỉ đạo 3 dự án lớn là DAP 2 (Chủ tịch HĐQT) và Đạm Hà Bắc (Giám đốc Công ty) và NPK Lào Cai (Thành viên HĐQT);
- Trực tiếp chỉ đạo công tác kiểm toán nội bộ.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty

- Thực hiện Nghị quyết của hội nghị ĐHĐCĐ thường niên năm 2014 và các nghị quyết, quyết định của HĐQT, Ban Giám đốc và bộ máy điều hành đã khẩn trương triển khai các công việc nhằm mục tiêu hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh (SXKD) và các công việc quản trị công ty năm 2014:

+ Đẩy mạnh công việc thi công 3 hợp đồng EPC lớn thuộc dự án: Cải tạo, mở rộng nhà máy phân đạm Hà Bắc; ĐTXD Nhà máy sản xuất phân bón DAP số 2 tại Tầng Lòong, Lào Cai; Dự án NPK Lào Cai, đồng thời triển khai công việc tư vấn các hợp đồng khác.

+ Ban Giám đốc và bộ máy điều hành đã tổ chức thành công Hội nghị người lao động năm 2014 và Lễ kỷ niệm 47 năm ngày thành lập Công ty tại Lào cai.

+ Công ty đã hoàn thành Báo cáo quyết toán tổng hợp (báo cáo tài chính) hàng quý, 6 tháng đúng quy định.

+ Người công bố thông tin của CECO (ông Đinh Đức Bộ, Kế toán trưởng) đã thực hiện việc công bố thông tin kịp thời, đúng quy định pháp luật.

+ Thực hiện xong việc trả cổ tức năm 2013 cho các cổ đông và cấp mới/cấp đổi Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần cho các cổ đông.

+ Tổ chức công tác kiểm tra, đánh giá hoạt động của các chi nhánh Công ty, từ đó đưa ra các biện pháp nhằm nâng cao năng lực hoạt động của các Chi nhánh.

+ Lập kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2014 trình HĐQT phê duyệt.

+ Hoàn thành công tác kiểm toán nội bộ 06 tháng đầu năm 2014 tại Chi nhánh Phú thọ và Chi nhánh Hải phòng .

- Để ổn định bộ máy tổ chức cán bộ, trong năm 2014, HĐQT Công ty đã ký quyết định bổ nhiệm mới 02 phó Giám đốc công ty, 07 trưởng đơn vị, bổ nhiệm lại kế toán trưởng Công ty; Giám đốc công ty đã ký quyết định bổ nhiệm mới : 06 Phó Trưởng phòng, bổ nhiệm lại 01 Phó đơn vị và điều chuyển một số cán bộ giữa các đơn vị.

✦ Đánh giá hoạt động của Giám đốc Công ty

- Về quản trị doanh nghiệp, sử dụng vốn: Hoàn thành tốt.
- Về quản trị sản xuất, hoàn thành nhiệm vụ sản xuất kinh doanh: Hoàn thành tốt.

- Về công tác điều hành hoạt động tại trụ sở chính và các chi nhánh: Khá.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

✦ Mục tiêu chính:

- Hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2014 do ĐHĐCĐ giao;
- Tăng cường công tác tiếp thị;
- Kiểm toán nội bộ, giám sát đánh giá hoạt động các Chi nhánh;
- Hoàn thiện việc xây dựng các quy định nội bộ của Công ty.

✦ Trọng tâm công tác:

- Đổi mới phương thức sản xuất, chấn chỉnh kỷ luật chất lượng trong công tác thiết kế;
- Chiến lược phát triển nguồn nhân lực;
- Tăng cường cơ chế kiểm tra, giám sát, đánh giá;
- Chỉ đạo hoàn thành chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận và đảm bảo thu nhập của người lao động;
- Dẩy mạnh công tác tiếp thị;
- Tăng cường giám sát và nâng cao năng lực các Chi nhánh;
- Công tác xây dựng quy chế, quy định nội bộ của Công ty.
- Đổi mới công nghệ thiết kế.

V. Quản trị Công ty

1. Hội đồng quản trị

❖ Thành viên Hội đồng quản trị:

Họ tên	Chức vụ	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ (%)	Chức vụ khác tại Công ty
Ông Đỗ Hiên Ngang	Chủ tịch HĐQT	81.314	2,72	Không
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Thành viên HĐQT	18.000	0,6	Giám đốc Công ty
Ông Nguyễn Công Thắng	Thành viên HĐQT	86.779	2,90	Phó giám đốc công ty
Ông Đinh Đức Bộ	Thành viên HĐQT	73.570	2,46	Kế toán trưởng
Ông Phan Hoài Thanh (từ nhiệm ngày 19/04/2014)	Thành viên HĐQT	12.566	0,42	Phó trưởng phòng Quản lý KHIKT và Chất lượng
Bà Nguyễn Hồng Hạnh (bầu ngày 19/04/2014)	Thành viên HĐQT	2.600	0,09	Trưởng phòng KH-KD

❖ Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có.

❖ Hoạt động của Hội đồng quản trị: Năm 2014 HĐQT họp 8 phiên, cụ thể:

a) **Phiên II.21:** Họp ngày 13/01/2014 tại trụ sở Công ty. Phiên họp đã thảo luận và thông qua các nội dung:

- Nghe báo cáo tiến độ quyết toán tài chính 2013 và lập kế hoạch năm 2014
- Xem xét, phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng văn phòng làm việc của Công ty tại Xuân Phương, Từ Liêm, Hà Nội
- Nghe báo cáo công tác chào bán cổ phiếu cho cổ đông chiến lược.
- Thông qua dự thảo 03 quy chế công ty gồm:
 - + Quy chế Quản lý tài chính (thay quy chế cũ);
 - + Quy chế Lương (thay quy chế cũ);
 - + Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển, miễn nhiệm, cách chức các chức vụ quản lý của Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất (xây dựng mới)
- Nhất trí chủ trương bổ nhiệm lại ông Đinh Đức Bộ giữ chức vụ Kế toán trưởng công ty từ ngày 01/04/2014
- Trọng tâm công tác của HĐQT và việc phối hợp hoạt động với Ban kiểm soát, Giám đốc Công ty năm 2014

b) **Phiên II.22:** Họp ngày 05/03/2014 tại trụ sở Công ty. Phiên họp đã thảo luận và thông qua các nội dung:

- Công tác lưu ký chứng khoán và giao dịch cổ phiếu:

Ngày 28/02/2014 Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (SGDCKHN) đã có Quyết định số 95/QĐ-SGDHN về việc chấp thuận cho Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất (CECO) được đăng ký giao dịch cổ phiếu tại SGDCKHN (sàn UPCOM) với nội dung sau:

- + Loại chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông.
- + Mã chứng khoán: CEC.
- + Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu.
- + Số lượng chứng khoán đăng ký giao dịch: 2.998.518 cổ phiếu.
- + Giá trị chứng khoán đăng ký giao dịch: 29.885.180.000 đồng

Theo quy định trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày được cấp Quyết định chấp thuận đăng ký giao dịch tại SGDCKHN (tức là trước ngày 06/3/2014), Công ty phải thực hiện các công việc sau:

+ Thực hiện công bố thông tin về việc đăng ký giao dịch trên trang thông tin điện tử của công ty và trên ít nhất một (01) kỳ của một (01) tờ báo trung ương hoặc một (01) tờ báo địa phương. Về việc này, ban điều hành đề xuất đăng 01 bản tin trên Báo Lao động với diện tích 1/4 trang báo, in đen trắng, tiết kiệm tối đa chi phí.

+ Đăng ký ngày chính thức giao dịch tại SGDCKHN và đề xuất giá ngày giao dịch đầu tiên. Ban điều hành đề nghị HĐQT quyết định ngày giao dịch đầu tiên và giá tham chiếu cho ngày giao dịch đầu tiên. Về việc này ban điều hành có Tờ trình ngày 01/3/2014 trong đó đề xuất mức giá tham chiếu cho ngày giao dịch đầu tiên là 12.000 đồng/cổ phiếu. Kính đề nghị HĐQT xem xét, quyết định.

Việc đăng ký giao dịch tập trung cổ phiếu Công ty Cổ phần Thiết kế công nghiệp Hóa chất (mã cổ phiếu CEC) tại sàn giao dịch UPCOM thuộc SGDCCKHN, ngày chính thức giao dịch đầu tiên là ngày 13/3/2014.

Mức giá tham chiếu ngày giao dịch đầu tiên là 12.000 đồng/cổ phiếu.

- Một số nội dung liên quan đến hội nghị ĐHĐCĐ thường niên năm 2014
- + Ngày chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền là ngày 25/3/2014. Giám đốc Công ty cần lưu ý việc gửi thông báo chốt tới VSD đúng hạn định.
- + Ngày tổ chức hội nghị ĐHĐCĐ: Tuần thứ ba tháng 4/2014 (từ 14/4 đến 20/4/2014).
- + Địa điểm tổ chức dự kiến: Hà Nội. HĐQT giao ban điều hành lựa chọn địa điểm tổ chức cụ thể báo cáo HĐQT quyết định tại phiên họp tiếp theo.
- Nghe ý kiến đánh giá, nhận xét về hoạt động của Người đại diện phần vốn của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam tại CECO:
 - + Về tỷ suất lợi nhuận trên vốn: Vượt kế hoạch (Kế hoạch: 41,42% - Thực hiện: 55,29%).
 - + Về việc chấp hành các nghị quyết, quyết định của Tập đoàn, Điều lệ Công ty: Chấp hành tốt.
 - + Về việc chấp hành chế độ thông tin báo cáo: Chấp hành tốt.
 - + Về xếp loại doanh nghiệp: Loại A.
 - + Đánh giá xếp loại từng cá nhân người đại diện vốn:
 - Ông Đỗ Hiên Ngang: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.
 - Ông Nguyễn Mạnh Hùng: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.
 - Ông Phan Hoài Thanh: Hoàn thành nhiệm vụ.

c) **Phiên II.23:** Họp ngày 31/03/2014 tại trụ sở Công ty. Phiên họp đã thảo luận và thông qua các nội dung:

- Thông qua chương trình chi tiết hội nghị Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2014;
- Thông qua nội dung các báo cáo trình hội nghị ĐHĐCĐ thường niên năm 2014;
- Công tác tổ chức bộ máy, cán bộ.
- Chỉ đạo Người đại diện phần vốn tại Công ty CP Công nghiệp Hóa chất Tây Ninh (TANICHEM)

d) **Phiên II.24:** Họp ngày 21/04/2014 tại trụ sở Công ty. Phiên họp đã thảo luận và thông qua các nội dung:

- Thảo luận các biện pháp triển khai thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2014
- Chủ trương đầu tư giai đoạn 2014-2015
- Triển khai một số nhiệm vụ trọng tâm năm 2014 của HĐQT
- Chấm dứt nhiệm vụ của Hội đồng quy chế và Hội đồng tiền lương
- Về thời điểm chi trả cổ tức năm 2013
- Thông qua Kế hoạch Phát triển nguồn nhân lực và Kế hoạch đầu tư xây dựng năm

2014

- Một số nội dung liên quan đến công ty con (VMEC)
- Công tác tiếp thị năm 2014

e) **Phiên II.25:** Họp ngày 22/6/2014 tại trụ sở Công ty. Phiên họp đã thảo luận và thông qua các nội dung:

- Vấn đề tái cấu trúc các chi nhánh
- Kế hoạch xây dựng chiến lược phát triển công ty giai đoạn 2016-2020
- Kế hoạch phát triển nguồn nhân lực 6 tháng cuối năm 2014 (Điều chỉnh Kế hoạch năm 2014)
- Công tác tổ chức bộ máy cán bộ
- Khởi động lại dự án ĐTXDCT Văn phòng làm việc tại Xuân Phương
- Tăng hạn mức vay vốn cho gói thầu EPC1-Dự án DAP2 với Vietinbank
- Mở tài khoản thanh toán và ký giới hạn tín dụng với BIDV Ba Đình
- Từ nhiệm vị trí thành viên BKS TANICHEM

f) **Phiên II.26:** Họp ngày 24/09/2014 tại trụ sở Công ty. Phiên họp đã thảo luận và thông qua các nội dung:

- Thông qua đề cương chương trình đổi mới công nghệ thiết kế và nâng cấp Hệ thống quản lý chất lượng của Công ty
- Nghe báo cáo về tình hình dòng tiền cho hoạt động sản xuất kinh doanh quý IV năm 2014
- Thông qua Tờ trình của Giám đốc Công ty về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh của Công ty
- Kế hoạch đầu tư năm 2014 (điều chỉnh) và chủ trương cải tạo văn phòng làm việc tại Xuân Phương; Thảo luận về việc cho thuê tòa nhà trụ sở Công ty tại 21A Cát Linh
- Thảo luận về chủ trương thành lập tổ nghiên cứu Nhà máy Nhiệt điện
- Công tác tổ chức bộ máy;

g) **Phiên II.27:** Họp ngày 08/12/2014 tại trụ sở Công ty. Phiên họp đã thảo luận và thông qua các nội dung:

- Xem xét khả năng hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh và thực hiện Quỹ tiền lương năm 2014
- Rà soát công tác quản trị chiến lược
- Chủ trương thành lập chi nhánh/văn phòng đại diện tại Lào và Dự án đầu tư tại Xuân Phương, Nam Từ Liêm, Hà Nội
- Công tác cán bộ
- Công tác phát triển nguồn nhân lực
- Việc miễn bảo lãnh đối với công ty con

h) **Phiên II.28:** Họp ngày 31/12/2014 tại trụ sở Công ty. Phiên họp đã thảo luận và thông qua các nội dung:

- Công tác cán bộ
- Rà soát sơ bộ các hoạt động của HĐQT trong năm 2014 và phương hướng hoạt động trong năm 2015
- Thảo luận các nội dung lớn về công tác quản trị chiến lược giai đoạn cuối năm 2014, đầu năm 2015
- Hợp liên tịch với BKS về phối hợp hoạt động năm 2015 giữa HĐQT, Giám đốc Công ty với BKS

❖ **Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành**

Hoạt động của Ông Đỗ Hiên Ngang:

- a) Lập chương trình và kế hoạch hoạt động của Hội đồng Quản trị;
- b) Chủ trì việc chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng cổ đông;
- c) Theo dõi quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng Quản trị;
- d) Chủ trì công tác tiếp thị chiến lược, xây dựng chiến lược marketing của Công ty;
- e) Công tác đào tạo, phát triển nguồn nhân lực cho Công ty;
- f) Trực tiếp chủ trì và tham gia công tác xây dựng các quy định, quy chế nội bộ của Công ty;
- g) Công tác nghiên cứu - phát triển và hợp tác - đầu tư; Phát triển thương hiệu và xây dựng văn hóa Công ty;
- h) Xây dựng tài sản tri thức;
- i) Trực tiếp tham gia điều hành dự án DAP2 (dự án trọng điểm của Công ty) với vai trò Giám đốc dự án.

❖ **Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị:** Không có.

2. Ban Kiểm soát

a) **Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:**

Họ tên	Chức vụ	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ (%)
Ông Nguyễn Văn Bang	Trưởng ban	36.000	1,21
Bà Nguyễn Thị Kim Liên	Thành viên	41.332	1,39
Bà Nguyễn Thị Bích	Thành viên	0	0

b) **Hoạt động của Ban kiểm soát (BKS):**

Năm 2013 BKS đã tiến hành họp 6 phiên (từ phiên thứ 13 đến phiên 18) và 01 phiên họp bất thường, cụ thể:

✦ **Phiên thứ 13 họp ngày 13/01/2014 BKS đã thảo luận và thống nhất các nội dung sau:**

- Họp nội bộ BKS để tổng kết hoạt động của BKS năm 2013, dự kiến chương trình hoạt động năm 2014, phân công nhiệm vụ cho các thành viên BKS thực hiện công việc quý I/2014

- Họp liên tịch với HĐQT, Giám đốc Công ty về phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT, Giám đốc Công ty trong năm 2014

✚ **Phiên thứ 14 họp ngày 18/03/2014 BKS đã thảo luận và thống nhất các nội dung sau:**

- Đánh giá, giám sát công tác quản lý của HĐQT, Giám đốc Công ty về kết quả SXKD năm 2013, dự kiến kế hoạch SXKD năm 2014 của Công ty

- Xem xét thẩm tra Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2013 đã được kiểm toán

✚ **Phiên họp bất thường ngày 01/04/2014 BKS đã thảo luận và thống nhất các nội dung sau:**

Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty CP Thiết kế Công nghiệp Hóa chất năm 2014 và mức phí kiểm toán trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

✚ **Phiên thứ 15 họp ngày 08/04/2014 BKS đã thảo luận và thống nhất các nội dung sau:**

- Thông qua toàn văn dự thảo Báo cáo hoạt động của BKS năm 2013 và kế hoạch hoạt động năm 2014 tại hội nghị ĐHĐCĐ thường niên 2014 gồm:

+ Phần 1: Tổng kết hoạt động và các cuộc họp của BKS trong năm 2013 và giữa 2 kỳ hội nghị ĐHĐCĐ thường niên 2013-2014.

+ Phần 2: Đánh giá, giám sát kết quả SXKD năm 2013 và dự kiến kế hoạch SXKD năm 2014 của Công ty

+ Phần 3: Đánh giá, thẩm tra BCTC của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2013 và lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2014.

+ Phần 4: Kết quả giám sát đối với HĐQT, Giám đốc Công ty và cán bộ quản lý.

+ Phần 5: Về phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT, Giám đốc Công ty và cổ đông trong năm 2013 và giữa 2 kỳ họp ĐHĐCĐ 2013-2014.

+ Phần 6: Dự kiến chương trình hoạt động của BKS năm 2014 và giữa 2 kỳ họp ĐHĐCĐ thường niên 2014-2015.

+ Phần 7: Một số đề nghị của BKS, tập trung vào các vấn đề: Tăng cường việc đánh giá kết quả thực hiện nghị quyết để đảm bảo nghị quyết của HĐQT đã thực hiện kịp thời; đưa vào áp dụng Quy chế Quản lý tài chính đảm bảo cho việc thực hiện quản lý tài chính, hạch toán kế toán được đồng bộ và nhất quán; Công ty cần có biện pháp khắc phục những khiếm khuyết trong công tác hạch toán kế toán và quản trị sản xuất kinh doanh theo khuyến cáo của kiểm toán độc lập và kiểm toán nội bộ.

- Dự thảo báo cáo cũng nêu phần kinh phí hoạt động của BKS trong năm 2013. Theo đó trong năm 2013, BKS chưa sử dụng kinh phí hoạt động 30 triệu đồng đã được ĐHĐCĐ phê duyệt tại kỳ họp thường niên 2013. Vì vậy, BKS đề nghị chuyển khoản kinh phí này cho hoạt động BKS năm 2014.

- Báo cáo cũng đề cập đến việc lựa chọn và đề nghị hội nghị ĐHĐCĐ thường niên 2014 phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán BCTC năm 2014 của CECO như đã thống nhất tại cuộc họp bất thường ngày 01/4/2014 để đưa vào tờ trình. Ban Kiểm soát đề xuất lựa chọn Công ty TNHH Tư vấn thuế, Kế toán và Kiểm toán AVINA-IAFC là đơn vị kiểm toán

Báo cáo tài chính năm 2014 của CECO với mức phí tối đa là 90.000.000 đồng, chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng. Mức phí trên thực hiện các nội dung sau:

- + Kiểm toán BCTC riêng năm 2014: 70.000.000 đồng.
- + Kiểm toán BCTC hợp nhất năm 2014: 20.000.000 đồng
- ✦ **Phiên thứ 16 họp ngày 15/05/2014 BKS đã thảo luận và thống nhất các nội dung sau:**
 - Báo cáo kết quả hội nghị ĐHĐCĐ thường niên năm 2014 và việc triển khai thực hiện nghị quyết của ĐHĐCĐ
 - + Tiếp cận kế hoạch SXKD năm 2014 của Công ty:
 - + Giá trị SXCN: 490 tỷ đồng
 - + Doanh thu: 485 tỷ đồng
 - + Lợi nhuận trước thuế: 19 tỷ đồng
 - + Nộp ngân sách: 34 tỷ đồng
 - + Đầu tư xây dựng: 4,8 tỷ đồng, trong đó đầu tư vào công ty con 1,2 tỷ đồng
 - Đánh giá, giám sát kết quả SXKD và BCTC quý I năm 2014
 - + Giá trị SXCN: 154,239 tỷ đồng; đạt 31% kế hoạch và tăng 172% so với cùng kỳ năm trước (89,929 tỷ đồng)
 - + Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ: 48,569 tỷ đồng; đạt 10% kế hoạch và tăng 108,5% so với cùng kỳ năm trước (1,564 tỷ đồng)
 - + Tổng số tiền lương thực hiện: 11,754 tỷ đồng; tăng 129% so với cùng kỳ năm trước (9,104 tỷ đồng).
 - Một số kiến nghị của BKS.

- ✦ **Phiên thứ 17 họp ngày 22/07/2014 BKS đã thảo luận và thống nhất các nội dung sau:**

BKS đã nhận được Báo cáo sơ kết đánh giá kết quả SXKD 6 tháng đầu năm 2014 và kế hoạch triển khai công tác 6 tháng cuối năm 2014 của ban điều hành. Kết cấu bản Báo cáo có 2 phần, phần 1- Đánh giá kết quả SXKD 6 tháng đầu năm 2014; phần 2- Kế hoạch triển khai công tác 6 tháng cuối năm 2014. Một số số liệu chính trong báo cáo:

- *Số lượng và giá trị các hợp đồng thực hiện.*
- + Tổng số: 145 hợp đồng, giá trị 602,204 tỷ VNĐ, trong đó:
 - ✓ Tư vấn: 81 hợp đồng, giá trị 54,733 tỷ VNĐ
 - ✓ Thi công xây dựng: 40 hợp đồng (3 hợp đồng EPC), giá trị 546,965 tỷ VNĐ
 - ✓ Dịch vụ khác: 21 hợp đồng, giá trị 3,806 tỷ VNĐ
- + Trong tổng số 145 hợp đồng có 66 hợp đồng được ký trong 6 tháng đầu năm 2014 với tổng giá trị 54,212 tỷ VNĐ, trong đó:
 - ✓ Tư vấn: 19 hợp đồng, giá trị 22,054 tỷ VNĐ

- ✓ Thi công xây dựng: 31 hợp đồng, giá trị 29,293 tỷ VNĐ
- ✓ Dịch vụ khác: 16 hợp đồng, giá trị 2,895 tỷ VNĐ
- *Kết quả SXKD 6 tháng đầu năm 2014*
- + Tổng giá trị SXCN: 230,324 tỷ VNĐ, đạt 47% kế hoạch năm, tăng 116,29% so với cùng kỳ năm 2013
- + Tổng doanh thu: 111,317 tỷ VNĐ, đạt 22,95% kế hoạch năm, bằng 81,47% so với cùng kỳ năm 2013 (*Số liệu không khớp với BCTC 6 tháng*)
- + Lợi nhuận trước thuế: 3,7 tỷ VNĐ, đạt 19,47%, kế hoạch năm, bằng 85,74% so với cùng kỳ năm 2013
- + Lao động huy động cuối kỳ: 251 người
- + Tổng tiền lương thực chi: 21,339 tỷ VNĐ
- + Tổng thu nhập thực chi: 24,135 tỷ VNĐ
- + BKS khuyến cáo ban điều hành có các giải pháp tăng tốc trong chỉ đạo SXKD, trong công tác tài chính kế toán trong 6 tháng cuối năm đảm bảo các chỉ tiêu của nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2014 đã đặt ra.

Đánh giá giám sát đối với HĐQT, GĐCT và cán bộ quản lý về việc triển khai thực hiện nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2014

- Trưởng BKS thông báo: Sau hội nghị ĐHĐCĐ thường niên năm 2014 ngày 19/4/2014, HĐQT đã tổ chức 2 phiên họp và ban hành một số quyết định để triển khai thực hiện nghị quyết thường niên của ĐHĐCĐ.
- Phiên II.24 họp ngày 21/6/2014 đã thông qua các nội dung:
 - + Kế hoạch phát triển nguồn nhân lực và Kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2014.
 - + Các nội dung về công tác nhân sự, đại diện phần vốn của CECO tại Công ty con (VMEC)
 - + Chốt danh sách cổ đông ngày 11/5/2014 để trả cổ tức năm 2013, thời điểm trả cổ tức từ ngày 19/6/2014
 - + Chấm dứt hoạt động của HĐQT và HĐTL
 - + Thống nhất một số nội dung chỉ đạo ban điều hành trong việc thực hiện một số nhiệm vụ trọng tâm
 - ✓ Chủ trương đầu tư trong giai đoạn 2014-2015
 - ✓ Đẩy mạnh việc cải tiến công tác tiền lương, đưa vào áp dụng triệt để QCL, hoàn thành chỉnh sửa trong quý II/2014, giao PGĐ Văn Đức Thắng trực tiếp phụ trách công tác tiền lương
 - ✓ Đẩy mạnh, siết chặt công tác báo cáo khối lượng công việc hàng tuần, đánh giá chất lượng công tác, tổ chức lấy phiếu tín nhiệm cán bộ quản lý, quản lý dự án (đang triển khai cuối tháng 7 năm 2014)
 - ✓ Cải tiến công tác thiết kế

- ✓ Tái cấu trúc các chi nhánh
- Phiên II.25 họp ngày 22/6/2014 đã thông qua và chỉ đạo các nội dung:
 - + Thành lập Ban chỉ đạo tái cấu trúc chi nhánh
 - + Chủ trương lập chiến lược phát triển Công ty giai đoạn 2016-2020
 - + Điều chỉnh kế hoạch phát triển nguồn nhân lực năm 2014 phù hợp với tình hình SXKD 6 tháng cuối năm theo đề xuất của GDCT.
 - + Chấp thuận đề xuất công tác cán bộ từ 01/7/2014 của GDCT tại Tờ trình ngày 05/6/2014.
 - + Phê duyệt về việc vay vốn, bảo lãnh giữa Công ty với các tổ chức tín dụng.
 - + Tái khởi động dự án ĐTXDCT Văn phòng làm việc Công ty tại Xuân Phương.
- Kiểm điểm hoạt động của Ban Kiểm soát 6 tháng đầu năm 2014
- ✚ **Phiên thứ 18 họp ngày 29/10/2014 BKS đã thảo luận và thống nhất các nội dung sau:**
 - Đánh giá kết quả SXKD quý III và 9 tháng đầu năm 2014 của Công ty
 - BKS đã nhận được Báo cáo sơ kết đánh giá kết quả SXKD quý III và kế hoạch triển khai công tác 3 tháng cuối năm 2014 của ban điều hành. Kết cấu bản Báo cáo có 2 phần, phần 1- Đánh giá kết quả SXKD quý III năm 2014; phần 2- Kế hoạch triển khai công tác 3 tháng cuối năm 2014. Một số số liệu chính trong báo cáo:
 - Số lượng và giá trị các hợp đồng thực hiện: 182 hợp đồng, giá trị 619,86 tỷ VNĐ, trong đó quý III ký được 37 hợp đồng, với giá trị 17,65 tỷ VNĐ
 - Kết quả SXKD 9 tháng đầu năm 2014
 - + Tổng giá trị SXCN: 406,657 tỷ VNĐ, đạt 82,99% kế hoạch năm. Trong đó, quý III đạt 176,333 tỷ VNĐ, bằng 35% kế hoạch năm.
 - + Tổng doanh thu: 207,077 tỷ VNĐ, đạt 42,7% kế hoạch năm
 - + Lợi nhuận trước thuế: 5,4 tỷ VNĐ, đạt 28,62%, kế hoạch năm
 - + Tổng tiền lương thực chi: 31,54 tỷ VNĐ, tăng 107,36% so với cùng kỳ năm 2013. Lương bình quân: 13,7 triệu VNĐ/người/tháng.
 - + Tổng thu nhập thực chi: 34,55 tỷ VNĐ. Thu nhập bình quân: 15 triệu VNĐ/người/tháng.

Với những thông tin làm rõ của các khách mời và ý kiến trao đổi, nhận xét các thành viên BKS, khách mời, BKS thống nhất đánh giá kết quả SXKD 9 tháng đầu năm 2014 như sau:

- + Giá trị SXCN đạt 83% kế hoạch năm, riêng quý III đạt tới 35% kế hoạch năm. Như vậy khả năng giá trị SXCN năm 2014 vượt kế hoạch năm là khả quan.
- + Tuy nhiên, doanh thu mới chỉ đạt 45% kế hoạch năm là điều cần phải xem xét ngày vì thời gian còn lại của kế hoạch chỉ còn hơn 2 tháng, cộng với những yếu

tổ khó khăn trong việc thanh quyết toán vào dịp cuối năm (trong đó có dự án cải tạo, mở rộng dự án đạm Hà Bắc)

- + Tổng lợi nhuận trước thuế mới đạt 34% kế hoạch năm.
- + BKS khuyến cáo HĐQT cần có chỉ đạo sát sao hơn để ban điều hành có các giải pháp quyết liệt trong các tháng còn lại nhằm hoàn thành các chỉ tiêu SXKD như nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2014 đã đặt ra.
 - Đánh giá giám sát đối với HĐQT, GĐCT và cán bộ quản lý

1. Về công tác kiểm toán nội bộ 6 tháng đầu năm 2014

Thực hiện chỉ đạo của HĐQT, GĐCT đã ký quyết định số 175/QĐ-CTTK ngày 08/7/2014 về tiến hành công việc kiểm toán nội bộ 6 tháng đầu năm. Tại cuộc họp này, BKS đã nghe ông Doãn Mạnh Hùng-Thường trực Tổ kiểm toán thông báo những nét chính về kết quả đợt kiểm toán. BKS rất đồng tình về việc Công ty tổ chức thực hiện công tác kiểm toán nội bộ cho niên độ 6 tháng và cả năm, làm cho công tác hạch toán, kế toán của Công ty kịp thời khắc phục được những tồn tại, khiếm khuyết.

✦ Đánh giá các phiên họp của BKS

- Các phiên họp của BKS được tổ chức theo đúng trình tự của Điều lệ Công ty và pháp luật, có đầy đủ các thành viên BKS tham dự, Trưởng BKS chủ trì cuộc họp, Thư ký Công ty là thư ký cuộc họp đã thực hiện ghi chép và lập biên bản cuộc họp.
- Tùy theo nội dung và tính chất cuộc họp, BKS đã mời một số cán bộ quản lý của Công ty tham dự như Kế toán trưởng, Phòng Kế hoạch - KD, Phòng Pháp chế & QLTT, Phòng Tổ chức - HC,... Các thành viên BKS đã chất vấn các đại biểu và nhận được các ý kiến trả lời, làm rõ các nội dung được chất vấn

✦ Chương trình hoạt động của BKS trong năm 2014 và giữa 02 kỳ họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2015 - 2016.

TT	Phiên họp	Nội dung
1	Phiên thứ 13 ngày 13/01/2014	<ul style="list-style-type: none"> - Họp nội bộ BKS để tổng kết hoạt động của BKS năm 2013, dự kiến chương trình hoạt động năm 2014, phân công nhiệm vụ cho các thành viên BKS thực hiện công việc quý I/2014. - Họp liên tịch với HĐQT, Giám đốc Công ty về phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT, Giám đốc Công ty trong năm 2014.
2	Phiên thứ 14 dự kiến từ 10/3 đến 20/3/2014.	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá kết quả SXKD năm 2013 và dự kiến kế hoạch SXKD năm 2014 của Công ty. - Xem xét, thẩm tra BCTC hợp nhất đã được kiểm toán của Công ty kết thúc vào 31/12/2013 (yêu cầu các thành viên BKS xem trước, đ/c Bích xem xét, đánh giá, có báo cáo bằng văn bản thông qua BKS để đưa vào báo cáo chung của BKS trình ĐHĐCĐ

TT	Phiên họp	Nội dung
		thường niên 2014). - Lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán BCTC năm 2014 để trình ĐHĐCĐ phê chuẩn. - Thông qua toàn văn dự thảo báo cáo của BKS trình hội nghị ĐHĐCĐ thường niên 2014. - Các nội dung khác.
3	Phiên thứ 15 (dự kiến họp trước ngày khai mạc hội nghị ĐHĐCĐ thường niên 2014 của Công ty).	- Xem xét các công việc, tài liệu liên quan trình hội nghị ĐHĐCĐ thường niên 2014. - Các nội dung khác.
4	Phiên thứ 16 (dự kiến đầu tháng 5/2014).	- Tiếp cận kế hoạch SXKD năm 2014 của Công ty đã được ĐHĐCĐ đề ra và triển khai thực hiện nghị quyết của hội nghị ĐHĐCĐ thường niên 2014.
5	Phiên thứ 17 (dự kiến cuối tháng 7/2014).	- Đánh giá kết quả SXKD 6 tháng đầu năm 2014 của Công ty trên cơ sở BCTC 6 tháng đầu năm 2014. - Đánh giá giám sát của BKS với hoạt động của HDQT, Giám đốc Công ty trong 6 tháng đầu năm 2014. - Kiểm điểm hoạt động của BKS 6 tháng đầu năm 2014.
6	Phiên thứ 18 (dự kiến đầu tháng 10/2014).	- Đánh giá kết quả SXKD của Công ty 9 tháng đầu năm 2014 trên cơ sở BCTC Quý III và 9 tháng đầu năm 2014 và việc thực hiện nghị quyết ĐHĐCĐ trong 9 tháng.
7	Phiên thứ 19 (dự kiến đầu tháng 25/3/2015).	- Đánh giá kết quả SXKD năm 2014 và dự kiến kế hoạch SXKD năm 2015. Xem xét thẩm tra BCTC riêng và BCTC hợp nhất năm 2014, lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán BCTC 2015 trình ĐHĐCĐ thường niên 2015 và các nội dung khác
8	Phiên thứ 20 (dự kiến đầu tháng 4/2015).	- Xem xét các công việc và tài liệu liên quan trình hội nghị ĐHĐCĐ thường niên 2015. - Lập và thông qua báo cáo hoạt động của BKS, giữa hai kỳ họp ĐHĐCĐ thường niên 2014 - 2015 trình hội nghị ĐHĐCĐ thường niên 2015.
9	Các hoạt động khác.	- Đánh giá, giám sát hoạt động và sử dụng vốn của các chi nhánh và Công ty con của CECO.

TT	Phiên họp	Nội dung
		+ Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh và Công ty VMEC. + Các Chi nhánh phía Bắc. - Đánh giá tuân thủ hoạt động của một số phòng quản lý của Công ty. Tùy theo nội dung đánh giá, BKS bố trí người tham gia đánh giá vào thời điểm phù hợp. - Trưởng BKS tham gia các cuộc họp của HĐQT.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

✚ Lương: Các thành viên HĐQT tham gia công tác điều hành, Giám đốc, các Phó Giám đốc và đội ngũ cán bộ quản lý được hưởng các loại lương như lương thời gian, lương quản lý, lương năng suất và lương bổ sung theo Quy chế Lương của Công ty ban hành kèm theo Quyết định số 22/QĐ-CTTK ngày 16/2/2012 của HĐQT Công ty).

✚ Thưởng: Năm 2014 HĐQT đề xuất ĐHĐCĐ thường niên 2014 thông qua việc trích Quỹ thưởng HĐQT, ban điều hành mức trích 300.000.000đ (ba trăm triệu) từ lợi nhuận sau thuế vì năm 2013 HĐQT, ban điều hành đã thực hiện tốt công tác quản trị và điều hành công ty đạt hiệu quả cao như doanh thu tăng 2,6 lần so với năm 2012, lợi nhuận tăng 188% so với năm 2012, tỷ suất lợi nhuận/vốn đầu tư của chủ sở hữu đạt 56%...

✚ Thù lao: Các thành viên HĐQT, BKS được hưởng thù lao theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2014, cụ thể:

Nội dung	Năm 2014
I. Mức thù lao của HĐQT	
1. Chủ tịch HĐQT chuyên trách (Ông Đỗ Hiên Ngang):	Không
2. Thành viên HĐQT (4 thành viên):	4.000.000 đồng/tháng
II. Mức thù lao của BKS	
1. Trưởng ban kiểm soát (Ông Nguyễn Văn Bang):	4.000.000 đồng/tháng
2. Thành viên BKS (2 thành viên):	2.500.000 đồng/tháng
III. Mức thù lao Thư ký Công ty:	2.500.000 đồng/tháng
Tổng cộng mức thù lao trả/năm	330.000.000đồng/năm

⚡ Các lợi ích khác:

Từng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc, các Phó giám đốc và cán bộ quản lý được hưởng các chế độ công tác phí, tiếp khách, trang bị điện thoại, thanh toán cước phí viễn thông theo các mức cụ thể quy định tại Quy định về trang bị, thanh toán cước phí và quản lý phương tiện viễn thông cho cá nhân sử dụng phục vụ công tác (ban hành theo Quyết định số 278/QĐ-CTTK ngày 29/12/2012 của Giám đốc Công ty) và Quy định về chế độ công tác phí, tiếp khách, hội nghị (ban hành theo quyết định số 280/QĐ-CTTK ngày 29/12/2012 của Giám đốc Công ty).

- b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có
- c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có.
- d) Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty: HĐQT và ban điều hành Công ty đã thực hiện đúng các quy định trong Điều lệ Công ty, các quy định về quản trị công ty đại chúng theo quy định tại Thông tư số 121/2012/TT-BTC ngày 26/7/2012.

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi:

Quý Cổ đông Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất, được lập ngày 10 tháng 3 năm 2015, từ trang 05 đến trang 35, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THUẾ, KẾ TOÁN & KIỂM TOÁN AVINA -IAFC

Hà Nội, ngày 10 tháng 3 năm 2015

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu B 01-DN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		210.472.014.610	187.225.260.015
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	3	79.425.908.865	12.813.319.924
1. Tiền	111		79.425.908.865	12.813.319.924
II- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		69.594.353.305	121.756.218.580
1. Phải thu khách hàng	131		62.273.213.844	103.633.645.267
2. Trả trước cho người bán	132		6.870.926.551	18.532.519.681
3. Các khoản phải thu khác	135	4	2.136.401.827	996.842.549
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(1.686.188.917)	(1.406.788.917)
III- Hàng tồn kho	140	5	43.818.524.206	45.278.156.244
1. Hàng tồn kho	141		43.818.524.206	45.278.156.244
IV- Tài sản ngắn hạn khác	150		17.633.228.234	7.377.565.267
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		8.518.642.287	2.887.822.850
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà	154		-	18.765.792
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		9.114.585.947	4.470.976.625
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		31.119.324.781	43.995.650.418
I- Tài sản cố định	220		21.720.339.045	20.974.282.305
1. Tài sản cố định hữu hình	221	6	16.700.662.591	18.600.373.971
- Nguyên giá	222		33.277.713.931	31.599.498.815
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(16.577.051.340)	(12.999.124.844)
2. Tài sản cố định vô hình	227	7	3.910.245.775	2.373.908.334
- Nguyên giá	228		5.080.216.400	2.951.650.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.169.970.625)	(577.741.666)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	8	1.109.430.679	-
II- Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	9	1.638.000.000	1.638.000.000
1. Đầu tư dài hạn khác	258		1.638.000.000	1.638.000.000
II- Tài sản dài hạn khác	260		7.760.985.736	21.383.368.113
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	1.359.460.129	1.015.613.839
2. Tài sản dài hạn khác	268	11	6.401.525.607	20.367.754.274
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		241.591.339.391	231.220.910.433

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu B 01-DN
Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
			VND	VND
A- NỢ PHẢI TRẢ	300		175.526.218.763	173.640.477.867
I- Nợ ngắn hạn	310		174.073.611.330	171.612.703.774
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	12	91.108.486.707	38.601.451.083
2. Phải trả người bán	312		45.833.149.989	45.327.229.740
3. Người mua trả tiền trước	313		3.689.605.406	25.906.521.963
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	13	6.781.727.216	5.577.416.810
5. Phải trả người lao động	315		7.257.958.875	2.316.894.099
6. Chi phí phải trả	316	14	14.126.081.354	53.776.413.390
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	15	5.205.221.313	934.252.236
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		71.380.470	(827.475.547)
II- Nợ dài hạn	330		1.452.607.433	2.027.774.093
1. Vay và nợ dài hạn	334	16	86.833.340	-
2. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		1.365.774.093	2.027.774.093
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		56.922.875.353	50.266.261.428
I- Vốn chủ sở hữu	410	17	56.922.875.353	50.089.973.550
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		29.885.180.000	29.885.180.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	417		7.863.099.011	4.731.913.124
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		1.839.445.970	1.213.208.792
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		17.335.150.372	14.259.671.634
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	176.287.878
1. Nguồn kinh phí	432	18	-	176.287.878
C LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		9.142.245.275	7.314.171.138
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		241.591.339.391	231.220.910.433

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
			VND	VND
1. Ngoại tệ các loại (USD)	005		9.383,10	1.790,85

Trần Ngọc Sơn

Đình Đức Bộ

Nguyễn Mạnh Hùng

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 3 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu B 02-DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	19	443.498.417.129	433.738.452.670
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	20	633.315.557	260.425.020
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	21	442.865.101.572	433.478.027.650
4. Giá vốn hàng bán	11	22	387.610.433.156	381.189.479.271
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		55.254.668.416	52.288.548.379
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	394.205.813	2.530.125.052
7. Chi phí tài chính	22	24	7.759.591.309	2.605.024.552
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		23	<i>7.600.199.707</i>	<i>640.283.050</i>
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		29.208.804.032	33.872.854.472
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		18.680.478.888	18.340.794.407
11. Thu nhập khác	31		3.465.986.465	565.299.426
12. Chi phí khác	32		105.296.219	259.447.350
13. Lợi nhuận khác	40		3.360.690.246	305.852.076
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		22.041.169.134	18.646.646.483
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	25	4.501.705.802	4.758.788.337
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		17.539.463.332	13.887.858.146
17. Lợi ích của Cổ đông thiểu số	70		1.375.828.161	608.857.853
18. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông Công ty Mẹ	80		16.163.635.171	13.279.000.293
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	26	5.409	4.859

Trần Ngọc Sơn

Người lập biểu

Hà Nội, ngày 10 tháng 3 năm 2015

Đinh Đức Bộ

Kế toán trưởng

Nguyễn Mạnh Hùng

Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu B 03-DN

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	22.041.169.134	18.646.646.483
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	4.588.918.754	4.001.561.213
- Các khoản dự phòng	03	279.400.000	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(9.893.061)	(68.540.708)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(1.058.205.812)	(496.842.842)
- Chi phí lãi vay	06	7.600.199.707	640.283.050
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	33.441.588.722	22.723.107.196
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	41.626.802.308	(91.888.374.374)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	1.459.632.038	(18.684.643.408)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay)	11	(50.818.202.241)	43.367.482.265
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(343.846.290)	678.909.465
- Tiền lãi vay đã trả	13	(7.624.599.165)	(689.652.943)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(4.494.150.156)	(3.446.231.189)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	30.087.852.073	38.725.261.719
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(18.255.914.890)	(58.722.120.778)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	25.079.162.399	(67.936.262.047)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài	21	(4.868.378.896)	(6.512.692.067)
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được	27	106.189.761	2.560.787.820
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(4.762.189.135)	(3.951.904.247)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của	31	-	9.845.180.000
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	262.018.253.782	49.933.234.483
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(209.424.384.818)	(15.041.673.400)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(6.305.615.300)	(3.164.313.600)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	46.288.253.664	41.572.427.483
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	66.605.226.928	(30.315.738.811)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	12.813.319.924	43.123.456.507
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi	61	7.362.013	5.602.228
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	79.425.908.865	12.813.319.924

Trần Ngọc Sơn

Người lập biểu

Hà Nội, ngày 10 tháng 3 năm 2015

Đinh Đức Bộ

Kế toán trưởng

Nguyễn Mạnh Hùng

Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU B 09-DN

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính hợp nhất)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hoá chất tiên thân là doanh nghiệp Nhà nước hạch toán độc lập trực thuộc Tổng Công ty Hoá chất Việt Nam (Nay là Tập đoàn Hóa chất Việt nam). Công ty được phê duyệt phương án chuyển đổi mô hình hoạt động sang Công ty cổ phần với tên giao dịch Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hoá chất theo Quyết định 3493/QĐ-BCN ngày 24 tháng 10 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0103010996 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 24 tháng 2 năm 2006 và đăng ký thay đổi lần 12 ngày 14 tháng 11 năm 2014.

Vốn điều lệ của Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 vốn điều lệ của Công ty là 29.885.180.000 đồng. (Bằng chữ: Hai mươi chín tỷ, tám trăm tám mươi lăm triệu, một trăm tám mươi nghìn đồng chẵn)

Số lao động của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 187 người.

Lĩnh vực kinh doanh

Trong kỳ hoạt động chính của Công ty là Tư vấn đầu tư và phát triển ngành công nghiệp hóa chất gồm tư vấn lập dự án; khảo sát thiết kế các công trình ngành công nghiệp hóa chất, công trình ngành công nghiệp khác liên quan; tổng thầu EPC xây dựng các công trình ngành công nghiệp hóa chất; thi công đại tu, sửa chữa, gia cố, sơn bọc lót chống ăn mòn kết cấu.; Quản lý dự án ĐTXD công trình; thực hiện các đề tài nghiên cứu; lập báo cáo đánh giá tác động môi trường ...

Công ty không có hoạt động kinh doanh nào ngoài chức năng kinh doanh đã đăng ký.

Trụ sở chính của Công ty tại số 21A , phố Cát Linh, phường Cát Linh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Ngành nghề kinh doanh

Xây dựng nhà các loại;

Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;

Xây dựng công trình công ích;

Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Xây dựng công trình ngành hóa chất, hóa dầu và các ngành công nghiệp liên quan có qui mô vừa và nhỏ (bao gồm cả thi công đại tu, sửa chữa, gia cố, sơn bọc lót chống ăn mòn kết cấu, thiết bị và cung ứng vật tư, thiết bị, thi công lắp đặt, hiệu chỉnh và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực điện, tự động và đo lường điều khiển cho các công trình công nghiệp và dân dụng); Xây dựng các công trình điện, đường dây và trạm biến áp;

Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;

Sản xuất các cấu kiện kim loại;

Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại;

Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại;

Sản xuất khác chưa được phân vào đâu, chi tiết: sản xuất sản phẩm hóa chất (trừ hóa chất Nhà nước cấm);

Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng; Lắp đặt hệ thống điện; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Hoàn thiện công trình xây dựng; Hoạt động tư vấn quản lý;

Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Thiết kế công trình đường dây và trạm biến áp đến 110KV; Giám sát công tác lắp đặt thiết bị điện, đường dây truyền tải và TBA đến 500KV; Thiết kế quy hoạch xây dựng; Thiết kế lắp đặt thiết bị công trình, lắp đặt thiết bị công nghệ hóa dầu công trình công nghiệp; Thiết kế hệ thống thông gió, cấp nhiệt, điều hòa không khí công trình công nghiệp; Thiết kế hệ thống phòng cháy chữa cháy; Thiết kế và chế tạo thiết bị ngành hóa chất; Khảo sát, thiết kế các công trình ngành hóa chất, các công trình công nghiệp và dân dụng; Tư vấn đầu tư và phát triển công nghiệp hóa chất; Tư vấn xây dựng; Tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình (Chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật); Tư vấn giám sát thi công công trình đường dây và trạm biến áp có cấp điện áp đến 35KV; Tư vấn lập dự án đầu tư, thiết kế công trình đường dây và trạm biến áp có cấp điện áp đến 35KV; Thẩm tra các dự án đầu tư, các hồ sơ thiết kế kỹ thuật, dự toán, tổng dự toán công trình xây dựng (hoạt động theo chứng chỉ hành nghề), các báo cáo đánh giá tác động môi trường trong ngành công nghiệp hóa chất và liên quan; Tư vấn đầu tư xây dựng và tư vấn giám sát thi công công trình điện, công trình đường dây và trạm biến áp (trong phạm vi chứng chỉ hành nghề); Tư vấn bảo hành, bảo dưỡng các loại thiết bị trong lĩnh vực hóa chất, hóa dầu và các ngành công nghiệp khác; Kiểm tra, kiểm định và chứng nhận chất lượng công trình xây dựng công nghiệp hóa chất, hóa dầu và liên quan; Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật. Chi tiết: Thực hiện đề tài nghiên cứu, khai thác các phát minh sáng chế, giải pháp hữu ích, dịch vụ và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực công nghiệp hóa chất và bảo vệ môi trường; Nghiên cứu ứng dụng công nghệ và thiết bị tiên tiến vào thiết kế các công trình công nghiệp hóa chất và biện pháp bảo vệ môi trường;

Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Báo cáo đánh giá tác động môi trường trong ngành công nghiệp hóa chất và liên quan; Xử lý chất thải công nghiệp; Đánh giá tác động môi trường; Hoạt động thăm dò địa chất, nguồn nước; Xây dựng kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất; Xây dựng biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất; Lập đề án bảo vệ môi trường; Lập bản cam kết bảo vệ môi trường; Dịch vụ quan trắc môi trường; Tư vấn về môi trường; Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;

Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Tiếp thị, xúc tiến đầu tư và thương mại; Cung ứng vật tư, thiết bị công trình công nghiệp; Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;

Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư;

Dịch vụ hỗ trợ giáo dục;

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong năm 2014, không có hoạt động nào có ảnh hưởng trọng yếu đến các chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

Công ty có một Công ty con tại thời điểm 31/12/2014 được hợp nhất:

Công ty con

Tên	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần máy và Thiết bị Công nghiệp Hóa chất Việt Nam	Sản xuất, gia công cơ khí ngành hóa chất
<i>Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ</i>	55,33%
<i>Quyền biểu quyết của công ty mẹ</i>	55,33%
Địa chỉ	xã Tam An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Công ty con

Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của Công ty con được lập đến ngày 31/12/2014.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con sẽ được đưa vào báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày mua, là ngày công ty mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con. Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con bị thanh lý được đưa vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho tới ngày thanh lý.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này giữa Công ty mẹ và Công ty con được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi cổ đông của Công ty và được trình bày ở mục riêng trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

Bất lợi kinh doanh

Bất lợi thương mại là phần phụ trội lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng đánh giá được của công ty con, công ty liên kết và đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày diễn ra nghiệp vụ mua công ty so với mức giá mua công ty. Bất lợi thương mại được hạch toán ngay vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán Chứng từ ghi sổ.

Chính sách kế toán áp dụng

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền

1.1 Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền:

Là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

1.2 Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Chênh lệch tỷ giá được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012 của Bộ Tài chính “Quy định về ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp”. Theo đó, đối với việc thanh toán các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phát sinh trong năm tài chính thì thực hiện theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch ngoại tệ của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp có giao dịch phát sinh theo quy định của pháp luật; đối với việc đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối năm tài chính thì thực hiện theo tỷ giá

mua vào của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính

Chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh trong kỳ và do đánh giá lại số dư cuối kỳ được phản ánh vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

2. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

2.1 Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm, trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho do đơn vị tự sản xuất bao gồm chi phí nguyên liệu vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chuyển hoá nguyên liệu vật liệu thành thành phẩm.

Những chi phí không được tính vào giá gốc của hàng tồn kho:

- Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất.
- Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công và các chi phí sản xuất, kinh doanh khác phát sinh trên mức bình thường.
- Chi phí bảo quản hàng tồn kho trừ các chi phí bảo quản hàng tồn kho cần thiết cho quá trình sản xuất tiếp theo và chi phí bảo quản hàng tồn kho phát sinh trong quá trình mua hàng.
- Chi phí bán hàng. Chi phí quản lý doanh nghiệp.

2.2 Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ:

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

2.3 Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

2.4 Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

3.1. Nguyên tắc ghi nhận: Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng (nếu có), và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

3.2. Lập dự phòng phải thu khó đòi: Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ ba tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự (không bao gồm những khách hàng đã quá hạn trên nhưng đang tiến hành thanh toán hoặc có cam kết trong việc thanh toán trong thời gian tới).

4. Phương pháp ghi nhận và khấu hao tài sản cố định:

4.1. Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình:

Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

4.2 Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, vô hình:

Khấu hao TSCĐ được trích theo phương pháp đường thẳng theo quy định tại thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

Tài sản cố định hữu hình	Thời gian sử dụng
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 25 năm
Máy móc, thiết bị	6 - 15 năm
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	6 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	5 - 8 năm
Tài sản cố định vô hình	
Phần mềm máy kế toán và khác	3 - 8 năm

5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Lợi nhuận thuần từ công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động

kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Hoạt động liên doanh theo hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát tài sản và tài sản đồng kiểm soát được công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như các hoạt động kinh doanh thông thường khác.

6. Nguyên tắc vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

Các khoản thu nhập phát sinh do đầu tư tạm thời các khoản vay riêng biệt trong khi chờ sử dụng vào mục đích có được tài sản dở dang thì phải ghi giảm trừ (-) vào chi phí đi vay phát sinh khi vốn hoá.

Chi phí đi vay được vốn hoá trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hoá trong từng kỳ không được vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong kỳ đó.

7. Nguyên tắc vốn hoá các khoản chi phí khác:

7.1. Chi phí trả trước:

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Những khoản chi phí thực tế phát sinh có liên quan đến kết quả hoạt động SXKD của nhiều niên độ kế toán.

Chi phí trả trước phân bổ cho hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản, cải tạo, nâng cấp TSCĐ trong kỳ được vốn hoá vào TSCĐ đang được đầu tư hoặc cải tạo nâng cấp đó.

7.2. Chi phí khác:

Chi phí khác phục vụ cho hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản, cải tạo, nâng cấp TSCĐ trong kỳ được vốn hoá vào TSCĐ đang được đầu tư hoặc cải tạo nâng cấp đó.

7.3. Phương pháp phân bổ chi phí trả trước:

Các loại chi phí trả trước nếu chỉ liên quan đến năm tài chính hiện tại thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả:

8.1 Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả:

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

9. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

10. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

10.1 Doanh thu bán hàng

Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

10.2. Doanh thu cung cấp dịch vụ : Được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

10.3 Doanh thu Hợp đồng xây dựng

Doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo sau:

- Doanh thu của Công ty được ghi nhận khi công việc đã hoàn thành, có biên bản nghiệm thu, bảng thanh toán khối lượng được chủ đầu tư xác nhận, bảng tổng hợp kinh phí hoàn thành, phiếu giá thanh toán (nếu có) và bản thanh lý hợp đồng mà không phụ thuộc vào thu tiền

10.4. Doanh thu hoạt động tài chính: Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn; Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

13. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

14. Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các công ty con của Công ty Mẹ, các công ty cùng thuộc tập đoàn, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

15. Trình bày lại dữ liệu tương ứng

Số liệu tương ứng trên Báo cáo kết quả kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được điều chỉnh và phân loại theo yêu cầu của chuẩn mực kế toán số 29 - Thay đổi ước tính kế toán, chính sách kế toán và các sai sót. Chi tiết như sau:

Chỉ tiêu	Năm 2013 (sau trình)	Năm 2013 (Số cũ)	Chênh lệch
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.859	5.082	(223)
Thay đổi do trình bày lại lợi nhuận phân bổ cho số cổ đông sở hữu số cổ phiếu phổ thông tại Công ty Mẹ			

16. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tiền mặt	975.066.463	2.276.885.050
Tiền gửi ngân hàng	78.450.842.402	10.536.434.874
Cộng	79.425.908.865	12.813.319.924

2. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Phải thu khác		
<i>Phải thu tiền thuế TNCN của người lao động</i>	859.058.241	305.278.405
<i>Phải thu BHXH</i>	160.619.219	75.971.928
<i>Khác</i>	1.116.724.367	615.592.216
Cộng	2.136.401.827	996.842.549

3. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	400.743.555	1.048.976.212
Công cụ, dụng cụ	15.582.828	12.165.368
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	43.402.197.823	44.217.014.664
Cộng giá gốc hàng tồn kho	43.818.524.206	45.278.156.244
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	43.818.524.206	45.278.156.244

4. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Dụng cụ quản lý	Cộng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại 01/01/2014	15.587.973.169	6.787.331.771	8.926.104.127	298.089.748	31.599.498.815
<i>Tăng trong năm</i>	-	682.500.000	870.918.181	543.560.234	2.096.978.415
Mua trong năm	-	682.500.000	870.918.181	543.560.234	2.096.978.415
Giảm trong năm	15.313.576	306.017.013	-	97.432.710	418.763.299
Giảm khác	15.313.576	306.017.013	-	97.432.710	418.763.299
Số dư tại 31/12/2014	15.572.659.593	7.163.814.758	9.797.022.308	744.217.272	33.277.713.931
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại 01/01/2014	6.045.871.285	3.300.768.025	3.565.000.101	87.485.433	12.999.124.844
<i>Tăng trong năm</i>	1.006.049.590	1.284.883.650	1.356.678.125	349.078.430	3.996.689.795
Khấu hao trong năm	1.006.049.590	1.284.883.650	1.356.678.125	349.078.430	3.996.689.795
Giảm trong năm	15.313.576	306.017.013	-	97.432.710	418.763.299
Giảm khác	15.313.576	306.017.013	-	97.432.710	418.763.299
Số dư tại 31/12/2014	7.036.607.299	4.279.634.662	4.921.678.226	339.131.153	16.577.051.340
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại 01/01/2014	9.542.101.884	3.486.563.746	5.361.104.026	210.604.315	18.600.373.971
Tại 31/12/2014	8.536.052.294	2.884.180.096	4.875.344.082	405.086.119	16.700.662.591

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

6.591.660.861

5. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất (*)	TSCĐ vô hình khác (**)	Cộng
NGUYÊN GIÁ			
Số dư tại 01/01/2014	719.000.000	2.232.650.000	2.951.650.000
Tăng trong năm	1.658.166.400	470.400.000	2.128.566.400
Mua trong năm	1.658.166.400	470.400.000	2.128.566.400
Số dư tại 31/12/2014	2.377.166.400	2.703.050.000	5.080.216.400
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư tại 01/01/2014	-	577.741.666	577.741.666
Tăng trong năm		561.896.646	592.228.959
Khấu hao trong năm	30.332.313	561.896.646	592.228.959
Số dư tại 31/12/2014	-	1.139.638.312	1.169.970.625
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại 01/01/2014	719.000.000	1.654.908.334	2.373.908.334
Tại 31/12/2014	2.377.166.400	1.563.411.688	3.910.245.775

(*) Tăng trong năm là giá trị quyền sử dụng đất 12.716 m² tại cụm Công Nghiệp Tam An, xã Tam An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai; Thời gian khấu hao là 41 năm tính từ năm 2014.

(**) TSCĐ vô hình khác là Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001-2000, phần mềm kế toán và hệ thống phần mềm thiết kế PDMS. Tăng trong năm là phần mềm autocard.

6. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Nội dung	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Chi phí xây dựng công trực xưởng	1.109.430.679	-
Cộng	1.109.430.679	-

7. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2014			01/01/2014	
	% vốn điều lệ	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư dài hạn khác					
- Công ty Cổ phần Công nghiệp Hóa chất Tây Ninh	6,50%	163.800	1.638.000.000	163.800	1.638.000.000
Tổng		163.800	1.638.000.000	163.800	1.638.000.000

- (**) Tỷ lệ vốn góp của Công ty CECO vào Công ty CP CNHC Tây Ninh là 6,5%/ vốn điều lệ (tương đương 7.800.000.000 đồng). Đến thời điểm hiện tại, Công ty đang góp vốn theo tiến độ là 1.638.000.000 đồng. Ngày 22/01/2013, Công ty đã nhận được văn bản số 95/HCVN-HDTV của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam v/v chấp thuận cho CECO thoái toàn bộ vốn góp tại Công ty Cổ phần Hóa chất Tây Ninh.

8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Chi phí trả trước dài hạn khác		
<i>Công cụ dụng cụ chờ phân bổ</i>	1.359.460.129	1.015.613.839
Cộng	1.359.460.129	1.015.613.839

9. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Ký quỹ, ký cược dài hạn	6.401.525.607	20.367.754.274
Cộng	6.401.525.607	20.367.754.274

- (*) Là khoản ký quỹ tại Ngân hàng Công thương VN - Chi nhánh Đồng Đa và khoản ký quỹ dài hạn mở tại Ngân hàng MB Chi nhánh Hoàn Kiếm. Mục đích ký quỹ là bảo lãnh dự thầu và thực hiện hợp đồng EPC.

10. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Vay ngắn hạn(*)	90.847.986.711	38.601.451.083
<i>Vay cán bộ công nhân viên</i>	11.880.000.000	4.900.000.000
<i>Ngân hàng Vietinbank CN Đồng Đa</i>		33.701.451.083
<i>NH TMCP Quân Đội - CN Hoàn Kiếm</i>	38.932.561.309	
<i>NH TMCP ĐPTT VN - Chi nhánh Ba Đình</i>	40.035.425.402	
Nợ dài hạn đến hạn trả	260.499.996	-
Cộng	91.108.486.707	38.601.451.083

- (*) Vay ngắn hạn tại Văn phòng Công ty là 78.967.986.711 đồng (trong đó vay MB Bank - Chi nhánh Hoàn Kiếm là 38.932.561.309đ với thời hạn vay 4 tháng lãi suất 7,5%/năm; vay BIDV - Chi nhánh Ba Đình là 40.035.425.402đ với thời hạn vay 5 tháng, lãi suất 7,5%/năm); Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay từ 4-6 tháng, cho vay bằng tín chấp.

11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	3.486.527.913	2.606.538.709
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.913.649.999	2.906.094.353
Thuế thu nhập cá nhân	303.356.871	64.783.748
Các loại thuế khác	78.192.433	-
Cộng	6.781.727.216	5.577.416.810

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

12. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Chi phí phải trả khác	14.126.081.354	53.776.413.390
<i>Trích trước các chi phí các công trình</i>	<i>14.094.447.479</i>	<i>53.196.130.144</i>
<i>Trích trước tiền thuê nhà CN Tp HCM</i>		<i>473.249.913</i>
<i>Chi phí lãi vay phải trả</i>	<i>31.633.875</i>	<i>105.403.226</i>
Cộng	14.126.081.354	53.776.413.390

13. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	(2.597.956)	4.054.948
Bảo hiểm xã hội	234.630.621	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.973.188.648	930.197.288
<i>Công ty cổ phần Tuấn Lâm</i>	<i>548.999.550</i>	<i>548.999.550</i>
<i>Góp vốn theo tiến độ</i>	<i>127.500.000</i>	<i>127.500.000</i>
<i>Phân loại từ chi phí phải trả nhà thầu NN</i>	<i>3.326.043.000</i>	
<i>Cổ tức còn phải trả</i>	<i>207.420.700</i>	
<i>Khác</i>	<i>763.225.398</i>	<i>253.697.738</i>
Cộng	5.205.221.313	934.252.236

14. VAY VÀ NỢ VAY DÀI HẠN

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Vay ngân hàng		
<i>Vay NH TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai</i>	86.833.340	
Cộng	86.833.340	-

Là khoản vay Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam theo Hợp đồng tín dụng số 130000191264 ngày 23/04/2014 có hạn mức 521 triệu, Thời hạn vay là 24 tháng, lãi suất 9,5%/năm. Mục đích vay là đầu tư mua xe ô tô, tài sản đảm bảo là Tài sản hình thành từ vốn vay.

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại 01/01/2013	17.579.520.000	5.857.499.948	879.485.488	6.681.048.009	30.997.553.445
Tăng trong năm	12.305.660.000	1.334.893.176	333.723.304	13.279.000.293	27.253.276.773
Tăng vốn năm trước	12.305.660.000				12.305.660.000
Phân phối lợi nhuận năm trước		1.334.893.176	333.723.304		1.668.616.480
Lãi năm nay				13.279.000.293	13.279.000.293
Giảm nguồn vốn	-	2.460.480.000	-	5.700.376.668	6.959.686.776
Tăng nguồn vốn		2.460.480.000			2.460.480.000
Chia cổ tức 18% vốn điều lệ				3.164.313.600	3.164.313.600
Trích quỹ đầu tư phát triển				1.334.893.176	1.334.893.176
Trích quỹ dự phòng tài chính			333.723.304		333.723.304
Trích quỹ Khen thưởng phúc lợi			867.446.588		867.446.588
Số dư tại 31/12/2013	29.885.180.000	4.731.913.124	1.213.208.792	14.259.671.634	50.089.973.550
Số dư tại 01/01/2014	29.885.180.000	4.731.913.124	1.213.208.792	14.259.671.634	50.089.973.550
Tăng trong năm	-	3.192.052.996	641.453.955	16.163.635.171	19.997.142.122
Phân phối lợi nhuận năm nay		3.131.185.887	626.237.178		3.757.423.065
Lãi năm nay và phân phối Công ty Con		60.867.109	15.216.777	16.163.635.171	16.239.719.057
Giảm trong năm	-	60.867.109	15.216.777	13.088.156.433	13.164.240.319
Chia cổ tức				5.977.036.000	5.977.036.000
Điều chỉnh Công ty Con		60.867.109	15.216.777	1.780.468.026	1.856.551.912
Trích lập quỹ đầu tư phát triển và quỹ dự phòng tài chính				3.757.423.065	3.757.423.065
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi, ban điều hành				1.573.229.342	1.573.229.342
Số dư tại 31/12/2014	29.885.180.000	7.863.099.011	1.839.445.970	17.335.150.372	56.922.875.353

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu.

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Vốn góp của Tập đoàn HC Việt Nam	15.768.180.000	15.768.180.000
Vốn góp của đối tượng khác	14.117.000.000	14.117.000.000
Cộng	29.885.180.000	29.885.180.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	29.885.180.000	17.579.520.000
Vốn góp tăng trong năm	-	12.305.660.000
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày 31 tháng 12	29.885.180.000	29.885.180.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	5.963.915.300	3.164.313.600

d. Cổ tức

Đại hội cổ đông thường niên ngày 19/04/2014 đã quyết định chia cổ tức năm 2013 là 20% trên vốn điều lệ và Công ty đã thực hiện chi trả bằng tiền mặt, tiền gửi ngân hàng trong năm.

e. Cổ phiếu

	31/12/2014 Cổ phiếu	01/01/2014 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.988.518	2.988.518
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.988.518	2.988.518
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.988.518	2.988.518
Cổ phiếu phổ thông	2.988.518	2.988.518
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:	10.000	10.000

f. Các quỹ của doanh nghiệp.

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Các quỹ của doanh nghiệp:		
Quỹ đầu tư phát triển	7.863.099.011	4.731.913.124
Quỹ dự phòng tài chính	1.839.445.970	1.213.208.792

16. NGUỒN KINH PHÍ

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Số dư đầu kỳ	176.287.878	506.513.887
Nguồn kinh phí được cấp trong kỳ	1.130.000.000	490.000.000
Chi sự nghiệp	(1.306.287.878)	(820.225.999)
Nguồn kinh phí còn lại cuối kỳ	-	176.287.878

17. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Doanh thu bán hàng	442.042.017.129	433.738.452.670
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.456.400.000	-
Cộng	443.498.417.129	433.738.452.670

18. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Giảm giá hàng bán	633.315.557	260.425.020
Cộng	633.315.557	260.425.020

19. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Doanh thu thuần	442.865.101.572	433.478.027.650
Cộng	442.865.101.572	433.478.027.650

20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Giá vốn của hàng đã bán	387.610.433.156	381.189.479.271
Cộng	387.610.433.156	381.189.479.271

21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	106.189.761	2.455.982.116
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	280.654.038	5.602.228
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	7.362.014	68.540.708
Cộng	394.205.813	2.530.125.052

22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Lãi tiền vay	7.600.199.707	640.283.050
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	158.599.432	-
Chi phí hoạt động tài chính khác	792.170	1.964.741.502
Cộng	7.759.591.309	2.605.024.552

23. THUẾ TNDN HIỆN HÀNH

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Thuế TNDN tại Công ty Mẹ	3.632.927.973	4.304.416.805
Thuế TNDN tại Công ty con	868.777.829	454.371.532
Cộng	4.501.705.802	4.758.788.337

24. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2014	Năm 2013
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	17.539.463.332	13.887.858.146
Lợi nhuận phân bổ cho số cổ đông sở hữu số cổ phiếu phổ thông tại Công ty Mẹ	16.163.635.171	13.279.000.293
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	2.988.518	2.732.638
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	5.409	4.859

25. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	321.985.521.481	303.253.761.374
Chi phí nhân công	74.140.154.069	74.973.650.048
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.588.918.754	4.001.561.213
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.491.596.232	2.163.485.657
Chi phí khác bằng tiền	33.058.180.857	30.880.797.456
Cộng	449.264.371.393	415.273.255.749

26. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

Tập đoàn Hóa chất Việt Nam đã có công văn số 218/HCVN-TCKT ngày 02/03/2015 gửi các Công ty Cổ phần về việc thoái vốn đầu tư của Tập đoàn. Theo đó, Công ty CP Thiết kế Công nghiệp Hóa chất sẽ thực hiện xác định giá trị phần vốn của Tập đoàn tại thời điểm 01/01/2015.

29. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có số dư và giao dịch trọng yếu với các bên liên quan như sau.

Đối tượng	Mối quan hệ	Tính chất	Năm 2014
			VND
Tập đoàn hóa chất Việt Nam	Cùng thuộc Tập đoàn	Doanh thu	3.036.471.367
Công ty Cổ phần Bột giặt Net	Cùng thuộc Tập đoàn	Doanh thu	560.000.000
Công ty Cổ phần Supe phốt phát và Hóa chất Lâm Thao	Cùng thuộc Tập đoàn	Doanh thu	7.299.263.369
Cty CP Phân lân nung chảy Văn Điển	Cùng thuộc Tập đoàn	Doanh thu	1.818.181.818
Công ty TNHH Hóa chất và muối mỏ Việt Lào	Cùng thuộc Tập đoàn	Doanh thu	8.447.263.631
Công ty TNHH một thành viên Đạm Ninh Bình	Cùng thuộc Tập đoàn	Doanh thu	286.299.359
Công ty TNHH một thành viên Apatit Việt Nam	Cùng thuộc Tập đoàn	Doanh thu	1.254.140.046

Công ty TNHH một thành viên Phân đạm và hóa chất Hà Bắc	Cùng thuộc Tập đoàn	Doanh thu	24.239.212.128
Công ty Cổ phần DAP số 2 - Vinachem	Cùng thuộc Tập đoàn	Doanh thu	307.678.748.303
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Phương Đông	Cùng thuộc Tập đoàn	Doanh thu	410.916.394
Ban QLDA Đạm Ninh Bình	Cùng thuộc Tập đoàn	Doanh thu	51.828.182
Công ty Cổ phần Hóa chất Việt Tri	Cùng thuộc Tập đoàn	Doanh thu	804.674.546
Công ty Cổ phần Phân bón Bình Điền	Cùng thuộc Tập đoàn	Doanh thu	262.200.000
Công ty Cổ phần Hóa chất cơ bản Miền Nam	Cùng thuộc Tập đoàn	Doanh thu	120.000.000
Công ty Cổ phần Bột giặt Lix	Cùng thuộc Tập đoàn	Doanh thu	7.079.138.466
Công ty Cổ phần Hơi kỹ nghệ que hàn	Cùng thuộc Tập đoàn	Doanh thu	139.897.900
Công ty cổ phần Công nghiệp Cao su miền Nam	Cùng thuộc Tập đoàn	Doanh thu	1.205.108.182
Công nợ phải thu			
Đối tượng	Mối quan hệ	Tính chất	31/12/2014
			VND
Tập đoàn hóa chất Việt Nam	Cùng thuộc Tập đoàn	Ứng trước	140.000.000
		Phải thu	1.705.981.200
Công ty cổ phần Cao su Đà Nẵng	Cùng thuộc Tập đoàn	Ứng trước	72.000.000
		Phải thu	381.600.000
Công ty cổ phần DAP số 2	Cùng thuộc Tập đoàn	Ứng trước	96.000.000

		Phải thu	5.478.190.309
Công ty TNHH một thành viên DAP - Vinachem	Cùng thuộc Tập đoàn	Ứng trước	83.500.000
		Phải thu	5.698.400
Công ty Cổ phần Hóa chất Việt Trì	Cùng thuộc Tập đoàn	Phải thu	151.470.000
Công ty TNHH một thành viên Đạm Ninh Bình	Cùng thuộc Tập đoàn	Ứng trước	40.601.000
		Phải thu	157.518.957
Công ty Cổ phần Supe phốt phát và Hóa chất Lâm Thao	Cùng thuộc Tập đoàn	Ứng trước	100.678.400
		Phải thu	5.184.566.151
Công ty TNHH một thành viên Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc	Cùng thuộc Tập đoàn	Ứng trước	65.078.400
		Phải thu	1.274.512.638
Công ty TNHH một thành viên Apatit Việt Nam	Cùng thuộc Tập đoàn	Ứng trước	165.000.000
		Phải thu	32.957.050
Công ty Cổ phần Phân bón Bình Điền	Cùng thuộc Tập đoàn	Phải thu	103.224.000
Công ty Cổ phần Bột giặt Lix	Cùng thuộc Tập đoàn	Phải thu	273.798.595
Công ty TNHH một thành viên Hơi kỹ nghệ Que Hàn	Cùng thuộc Tập đoàn	Phải thu	147.089.790
Cty CP Phân bón và Hóa chất Cần Thơ	Cùng thuộc Tập đoàn	Phải thu	89.700.000
Công ty Cp Thuốc sát trùng Việt Nam	Cùng thuộc Tập đoàn	Ứng trước	350.000.000
Công ty cổ phần Công nghiệp Cao su miền Nam	Cùng thuộc Tập đoàn	Phải thu	447.359.000

Thu nhập của Ban Lãnh đạo Công ty

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Năm 2014	Năm 2013
Hội đồng quản trị	Ban lãnh đạo	Thù lao hội đồng quản trị	240.000.000	150.000.000
Ban Kiểm soát	Ban Kiểm soát	Thù lao BKS	60.000.000	36.000.000
Ban Giám đốc	Ban điều hành	Lương, thưởng của Chủ tịch HĐQT, BGD	2.286.307.620	2.832.467.830
Cộng			2.586.307.620	3.018.467.830

30. NHỮNG KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG

Công ty không phát sinh bất kỳ khoản nợ tiềm tàng nào phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong báo cáo tài chính mà Công ty không kiểm soát được hoặc chưa được ghi nhận.

31. THÔNG TIN HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

32. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty. Công ty có các tài sản tài chính như các khoản đầu tư ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty.

Công ty có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý rủi ro nói trên như sau:

Rủi ro thị trường

Rủi ro về thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần.

Các phân tích độ nhạy như trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Các phân tích độ nhạy này đã được lập trên cơ sở giá trị thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro về lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro về lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Độ nhạy đối với lãi suất

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện như sau.

Với giả định các biến số khác không thay đổi, các biến động trong lãi suất của các khoản vay (chỉ bao gồm cả vay ngắn hạn và vay dài hạn được vốn hóa vào tài sản đầu tư) với lãi suất thả nổi có ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế của Công ty như sau:

Vay ngắn hạn và dài hạn	Tăng /giảm điểm cơ bản	Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế VND
<i>Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014</i>		
Vay bằng đồng Việt Nam	+ 200	(1.823.906.401)
Vay bằng đồng Việt Nam	- 200	1.823.906.401
<i>Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013</i>		
Vay bằng đồng Việt Nam	+ 200	(772.029.022)
Vay bằng đồng Việt Nam	- 200	772.029.022

Mức tăng/giảm điểm cơ bản được dùng để phân tích độ nhạy đối với lãi suất được giả định dựa trên các điều kiện có thể quan sát được của thị trường hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro về ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Công ty chịu sự rủi ro do thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Công ty có rủi ro ngoại tệ do thực hiện mua bán hàng hóa bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty. Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét tình hình thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch mua và bán hàng hóa trong tương lai bằng ngoại tệ, ngoại trừ việc tăng tỷ lệ phòng ngừa rủi ro. Rủi ro này được Công ty quản lý thông qua các biện pháp như: duy trì hợp lý cơ cấu vay ngoại tệ và nội tệ, tối ưu hóa thời hạn thanh toán các khoản nợ, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ phù hợp, dự báo tỷ giá ngoại tệ trong tương lai, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh

khoản. Tại thời điểm cuối năm, số dư có gốc nguyên tệ của Công ty là không đáng kể nên Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ.

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư vào giá cổ phiếu. Hội đồng quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt toàn bộ các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Rủi ro về hàng hóa

Công ty có rủi ro về hàng hóa do thực hiện mua một số hàng hóa nhất định. Công ty thực hiện quản lý rủi ro hàng hóa thông qua việc theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường hàng hóa nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý. Công ty chưa sử dụng công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu là đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty thực hiện xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì kiểm soát chặt chẽ đối với các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không bị tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại một số ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trong bảng cân đối kế toán tại mỗi kỳ lập báo cáo tài chính là giá trị ghi sổ. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:

	Từ 1 năm trở xuống	Từ 1 năm đến 5	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2014				
Vay và nợ	91.108.486.707	86.833.340		91.195.320.047
Phải trả người bán	45.833.149.989			45.833.149.989
Chi phí phải trả	14.126.081.354			14.126.081.354
Các khoản phải trả khác	5.205.221.313			5.205.221.313
Cộng	156.272.939.363	86.833.340	-	156.359.772.703
Tại ngày 01/01/2014				
Vay và nợ	38.601.451.083	-		38.601.451.083
Phải trả người bán	45.327.229.740			45.327.229.740
Chi phí phải trả	53.776.413.390			53.776.413.390
Các khoản phải trả khác	934.252.236			934.252.236
Cộng	138.639.346.449	-	-	138.639.346.449

Ban Giám đốc cho rằng Công ty hầu như không có rủi ro thanh khoản và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền từ hoạt động kinh doanh để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tài sản đảm bảo

Công ty không sử dụng các tài sản đảm bảo cho các khoản vay vì đều là vay tín chấp.

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

33. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các Công cụ tài chính được trình bày trong Báo cáo tài chính của Công ty:

	<i>Giá trị sổ kế toán</i>		<i>Giá trị hợp lý</i>	
	<i>31/12/2014</i>	<i>01/01/2014</i>	<i>31/12/2014</i>	<i>01/01/2014</i>
A Tài sản tài chính				
Tiền và tương đương tiền	79.425.908.865	12.813.319.924	79.425.908.865	12.813.319.924
Phải thu khách hàng	62.273.213.844	103.633.645.267	60.587.024.927	102.226.856.350
<i>Trong đó: Dự phòng</i>	<i>(1.686.188.917)</i>	<i>(1.406.788.917)</i>		
Các khoản phải thu khác	2.136.401.827	996.842.549	2.136.401.827	996.842.549
Cộng	142.149.335.619	116.037.018.823	142.149.335.619	116.037.018.823
	<i>Giá trị sổ kế toán</i>		<i>Giá trị hợp lý</i>	
	<i>31/12/2014</i>	<i>01/01/2014</i>	<i>31/12/2014</i>	<i>01/01/2014</i>
B. Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	91.195.320.047	38.601.451.083	91.195.320.047	38.601.451.083
Phải trả người bán	45.833.149.989	45.327.229.740	45.833.149.989	45.327.229.740
Chi phí phải trả	14.126.081.354	53.776.413.390	14.126.081.354	53.776.413.390
Các khoản phải trả, phải nộp	5.205.221.313	934.252.236	5.205.221.313	934.252.236
Cộng	156.359.772.703	138.639.346.449	156.359.772.703	138.639.346.449

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây để ước tính giá trị hợp lý

- ✓ Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- ✓ Giá trị hợp lý của các khoản phải thu/cho vay có lãi suất cố định hoặc thay đổi được công ty đánh giá dựa trên các thông tin như lãi suất, các rủi ro cụ thể trong quốc gia, khả năng trả nợ vay của từng khách hàng và tính chất rủi ro của dự án được tài trợ. Trên cơ sở đánh giá này, công ty ước tính dự phòng cho phần không thu hồi được theo dự tính của các khoản phải thu này. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, giá trị ghi sổ của các khoản phải thu sau khi trừ đi dự phòng không khác biệt đáng kể với giá trị hợp lý.
- ✓ Giá trị hợp lý của các công cụ chưa được niêm yết, các khoản vay ngân hàng trái phiếu và các nợ phải trả tài chính khác, các nghĩa vụ theo hợp đồng thuê tài chính, cũng như các khoản nợ phải trả tài chính dài hạn khác được tạm thời ghi nhận bằng giá gốc..

34. THÔNG TIN BỘ PHẬN

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác. Do đặc điểm hoạt động của Công ty chỉ có hoạt động sản xuất về tư vấn thiết kế và xây lắp

ngành hóa chất theo đó không có sự khác biệt đáng kể về lĩnh vực kinh doanh, đồng thời Công ty hoạt động tại một bộ phận địa lý chính tại Việt Nam nên không có sự khác biệt đáng kể về rủi ro và lợi ích kinh tế của các bộ phận theo khu vực địa lý. Do đó, Công ty xác định lại là không trình bày báo cáo theo bộ phận tại báo cáo này.

35. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Công ty không phát sinh bất kỳ sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu cần phải điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính năm nay.

Trần Ngọc Sơn

Người lập biểu

Hà Nội, ngày 10 tháng 3 năm 2015

Đình Đức Bộ

Kế toán trưởng

Nguyễn Mạnh Hùng

Giám đốc

Đại diện theo pháp luật của Công ty

Giám đốc



NGUYỄN MẠNH HÙNG